ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5826 /QĐ-UBND	*Long An, ngày 28 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1940/TTr-SNNMT ngày 28/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này là danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 23 thủ tục hành chính chuẩn hoá trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản (thủ tục cấp tỉnh) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An *(đính kèm 423 trang các phụ lục)*.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Cập nhật nội dung các TTHC mới ban hành lên Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh ngay khi nhận được quyết định công bố.

2. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này.

3. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại Phần mềm của Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT.UBND tỉnh;
- TT.PVHCC tỉnh;
- VNPT Long An;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Út

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5826/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC (CSQLQG)	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (theo Quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016)	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện			Quyết định công bố của Bộ ngành
							Trực tiếp	BC CI	Trực tuyến	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH									
	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN: 23 thủ tục									
1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778	- Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc - Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức,	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày26/3/2012; (4) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025;

			cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: 87 ngày làm việc							(5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (6) Nghị định số Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (7) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (8) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (9) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
2	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481	45 ngày làm việc	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;

				(theo Quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng thì người được gia hạn giấy phép, người được chuyển nhượng phải nộp lệ phí tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng)						(5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
3	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	2.001814	45 ngày làm việc	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha: 2.000.000 đồng/01 giấy phép. - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha: 5.000.000 đồng/01 giấy phép. - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 7.500.000 đồng/01 giấy phép. (theo Quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng thì người được gia hạn giấy phép, người được chuyển nhượng phải nộp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.

				phí tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng)						
4	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408	45 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
5	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	2.001787	184 ngày làm việc	* 10 triệu đồng đối với trường hợp Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (Không bao gồm thuế GTGT) Đến 01 tỷ đồng * 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;

				đồng) đối với trường hợp Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (Không bao gồm thuế GTGT) Trên 01 đến 10 tỷ đồng * 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đối với trường hợp Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (Không bao gồm thuế GTGT) Trên 10 đến 20 tỷ đồng * 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) đối với trường hợp Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (Không bao gồm thuế GTGT) Trên 20 tỷ đồng						Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
6	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083	10 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;

										(4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
7	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	1.004446	* Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc * Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản là: 40 ngày làm việc * Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình là: 57 ngày làm việc	* Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác cát có công suất khai thác dưới 5.000 m3/năm: 1.000.000 đồng/giấy phép. + Giấy phép khai thác cát có công suất khai thác từ 5.000 m3 đến 10.000 m3/năm: 10.000.000 đồng/giấy phép. + Giấy phép khai thác cát có công suất khai thác trên 10.000 m3/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép. + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4)Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024. Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014. (7) Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022.

				+ Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có diện tich từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, than bùn: 20.000.000 đồng/giấy phép. + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên: 30.000.000 đồng/giấy phép. + Giấy phép khai thác nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép. * Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không.						

8	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	1.004434	34 ngày làm việc	Mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4)Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5)Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (6)Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7)Thông tư số 16/2014/TT- BTNMT ngày 14/4/2014 (8)Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.

9	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	1.004433	34 ngày làm việc	Mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	2.001783	45 ngày làm việc	+ Khai thác cát có công suất khai thác:	Trung tâm phục vụ	Sở Nông nghiệp	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

				. Dưới 5.000 m3/năm: 500.000 đồng/giấy phép; . Từ 5.000 m3 đến 10.000 m3/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép; . Trên 10.000 m3/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép; + Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: . Diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép; . Diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên: 10.000.000 đồng/giấy phép; . Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm: 10.000.000 đồng/giấy phép; . Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên:	hành chính công	và Môi trường				Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.

				15.000.000 đồng/giấy phép; + Khai thác than bùn: 10.000.000 đồng/giấy phép. + Khai thác nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép. (theo Quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng thì người được gia hạn giấy phép, người được chuyển nhượng phải nộp lệ phí tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng)						
11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	1.004345	45 ngày làm việc	theo Quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng thì người được gia hạn giấy phép, người được chuyển nhượng phải nộp lệ phí tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025;

										Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
12	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	1.004135	45 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
13	Đóng cửa mỏ khoáng sản	1.004367	78 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ	Sở Nông nghiệp	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

					hành chính công	và Môi trường				Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;
14	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001781	33 ngày làm việc	5.000.000 đồng/01giấy phép	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5)Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.

15	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343	18 ngày làm việc	2.500.000 đồng/giấy phép	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.
16	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777	21 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025;

										Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.
17	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013321	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 30 ngày (trong đó có 15 ngày làm việc) - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc	+ Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép. + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối: 20.000.000 đồng/giấy phép. + Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

				diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối : 30.000.000 đồng/giấy phép						số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về

										khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
18	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013322	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày (trong đó có 15 ngày làm việc) - Đối với tổ chức quy	- Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép. - Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí cấp giấy phép lần đầu	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định

			định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc							chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai

										thác khoáng sản nhóm IV. - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
19	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013323	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP

			Luật Địa chất và khoáng sản: 28 ngày (trong đó có 18 ngày làm việc) - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 16 ngày làm việc							ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh

										trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV. - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.
20	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013324	30 ngày (trong đó có 20 ngày làm việc)	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một

										số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

										- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV. - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.
21	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	1.013326	09 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Không	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

										- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV. - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.
22	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	1.013325	17 ngày làm việc	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một

										số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.
23	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công	1.004132	47 ngày	Không	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	✓	✓	Một phần	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;

	trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch									(3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (1.000778)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Công chức tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp trực tiếp:

. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không tiếp nhận và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp nộp qua đường bưu điện:

. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả gửi cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu điện.

. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận gửi thông báo qua đường bưu điện yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ (bao gồm 02 trường hợp)

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

Khi lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá
quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, đề án thăm dò cho Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, họp thẩm định.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản họp Hội đồng thẩm định.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (giấy phép) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1). Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
	*** Đối với doanh nghiệp mới thành lập:**	
1	Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 03 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);*	
2	Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);	x

3	Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*	x
4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu *theo quy định tại điều 9 của Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; cụ thể:* + Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)
	*** Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau**	
1	Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 03 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);*	
2	Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);	x
3	Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 01 Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);*	x
4	Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	
5	Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.	
	*** Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**	
1	Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 03 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);*	
2	Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 22 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*);	x
3	Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 01 Thông tư số*	x

	45/2016/TT- BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);	
4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu *theo quy định tại điều 9 của Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; cụ thể:* + Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã; + Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

***(2) Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: không quá 87 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc
- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 38 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án.

Thời gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

- Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 21 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ `sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 22 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể;

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

+ Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 22, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

* Được lựa chọn theo quy định tại Điều 36 của Luật khoáng sản; Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

* Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản:

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản:

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:

+ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4,

5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản:

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủyvăn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản:

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thâm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

* Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông (km^2) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông (km^2) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông (km^2) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km^2) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km^2) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km^2) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

* Khu vực đề nghị thăm dò:

+ Không có tổ chức,cánhânđang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

* Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

* Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường,

đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa.
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, Ấ NÚN	ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ N
(Chức danh)	(Chức danh)
Chữ kí, đóng dấu	*Chữ kí, đóng dấu*

A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.

- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.

- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án).

- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, toạ độ, diện tích của khu vực thăm dò.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.

- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu khu vực thăm dò

- Nêu rõ hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò.

- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản thăm dò.

- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò.

- Mức độ nghiên cứu từng thân khoáng sản.

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.

- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;

- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp chủ yếu:

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).

- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò).

- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò).

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.

- Công tác địa chất thuỷ văn - địa chất công trình.

- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

CHƯƠNG 4
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực

hiện đề án thăm dò.

- Đối với các mỏ phóng xạ và đi kèm phóng xạ: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo luật năng lượng nguyên tử hiện hành (mỏ Urani, thori ...).

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

CHƯƠNG 5
DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh vẽ thân quặng, dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò.

CHƯƠNG 6
TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế-kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; thời gian lập báo cáo thăm dò, dự kiến trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản; thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Đây là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò xác định thời hạn của Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật khoáng sản).

CHƯƠNG 7
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Đặc điểm khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO
TÀI LIỆU THAM KHẢO
B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Sơ đồ lịch sử nghiên cứu.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

Mẫu số 03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại: ..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm....do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày ..... tháng... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện số ..... ngày ... tháng ... năm ... do ...(cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Đề nghị được thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) .....tại xã ....., huyện .....tỉnh. . . . . ;

Diện tích thăm dò:.....ha (km^2), được giới hạn bởi các điểm góc .....có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo Đơn này.

Chiều sâu thăm dò: từ .....đến mức .....m.

Thời gian thăm dò: .. tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số ..., ngày... tháng.năm. với ... (tên tổ chức lập đề án thăm dò) (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản: .....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình thăm dò theo các thông số:

Số hiệu C.sâu GK (m)	Tọa độ X	Y	Ghi chú

(Tên tổ chức, cá nhân) .....cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 22
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Bìa màu trắng)

Số ....
Ngày cấp.....

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ)**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../GP-BTNMT/UBND	*Địa danh....., ngày.... tháng.... năm ....*

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ .)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../ /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm ...;

Căn cứ Quy hoạch khoáng sản ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của (đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản)/Quyết định số ngày tháng năm của về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Công văn số ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.... (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố ...);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân) ngày tháng năm nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .. và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của ;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***(Tên tổ chức, cá nhân)*** được thăm dò (tên khoáng sản) tại , xã , huyện ,tỉnh ;

Diện tích khu vực được thăm dò :..... (ha, km^2) được giới hạn bởi các điểm

khép góc có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

Mức sâu được phép thăm dò: từ mức ... m đến mức... m (nếu thấy cần thiết).

Thời hạn thăm dò: .....tháng.

Khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua.

Chi phí thăm dò: ....đồng, bằng nguồn vốn ..... (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. ***(tên tổ chức, cá nhân)*** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện thăm dò (tên khoáng sản) theo phương pháp và khối lượng của Đề án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn vật liệu nổ (*trường hợp thăm dò khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ*); thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố .; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/ thành phố . hoặc đơn vị được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/ thành phố . ủy quyền;

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng (tên khoáng sản) cho mục đích sử dụng .. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản...; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, ***(tên tổ chức, cá nhân)*** **.....** chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);

- Cục KS HĐKS khu vực (bản sao).

- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số /GP-BTNMT/UBND ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục .... múi chiếu.....)*	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
n		
Diện tích: ... ha		

Mẫu số 22
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
…		
Diện tích: … ha		

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....
"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu..."

2. Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (1004481)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An *(địa chỉ: Tầng 2, khối nhà cơ quan 4, khu trung tâm chính trị - hành chính, phường 6, thành phố Tân An, Long An)*.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện
tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc không gia hạn

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường

bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) *(Mẫu số 04 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo *(Mẫu số 42 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó) *(Mẫu số 23 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản *(theo quy định tại khoản 6 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ)*	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

(2) Số lượng hồ sơ: *01 bộ.*

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) - *(Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy

phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 23, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 42: Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày, trong đó, giải trình rõ lý do việc đề nghị gia hạn.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục công việc theo Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp hoặc có sự thay đổi về cấu trúc địa chất; phương pháp thăm dò so với đề án thăm dò đã được chấp thuận.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò khoáng sản đã thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò (tăng hoặc giảm) có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có); thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước cóthẩm quyền theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 04
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm ....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax .....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản) ..... tại xã ....., huyện....., tỉnh ..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày .... tháng ..... năm .....của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày ...tháng ... năm ...

Diện tích đã được cấp phép thăm dò: ...ha (km^2).

Diện tích đề nghị trả lại: ..... ha (km^2).

Diện tích đề nghị tiếp tục thăm dò: ha (km^2)

(Diện tích tích đề nghị tiếp tục thăm dò, diện tích đề nghị trả lại được giới hạn bởi các điểm góc..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo).

Lý do đề nghị gia hạn: .....

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

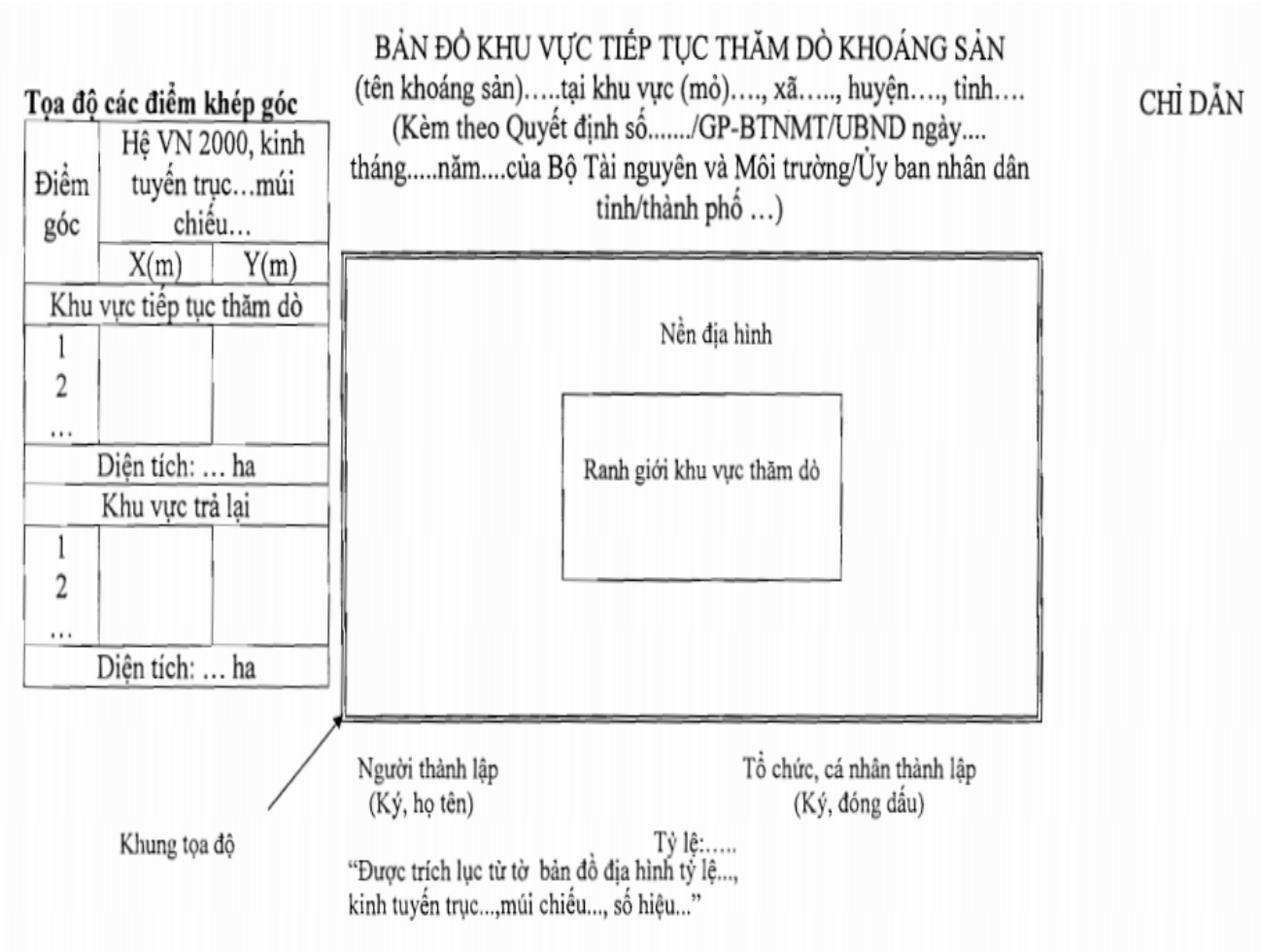

-

Mẫu số 42

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh ....., ngày..... tháng..... năm .....

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

(Trong trường hợp gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số , ngày tháng... năm.... của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .) cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ./GP-... ngày . tháng . năm . cho phép thăm dò khoáng sản . tại khu vực . xã ., huyện, tỉnh/thành phố . ; được gia hạn tại Giấy phép (gian hạn) số ./GP-... ngày . tháng . năm ., thời hạn gia hạn . tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân).. báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày .

tháng . năm .. đến ngày . tháng . năm . và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

I. KẾT QỦA THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)

II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: ….. tháng/năm, từ ngày.... tháng …. năm.... đến ngày….. tháng…. năm...

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; tăng giảm, lý do
			Theo đề án	Đã thực hiện	Còn lại tiếp tục thăm dò	
I	**Công tác trắc địa**					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ	Km^2 (ha)				
1.1						
II	**Công tác địa chất**					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ.	Km^2 (ha)				
1.1						
2	Khoan thăm dò	m				
2.1						
3						
III	**Công tác địa vật lý**					
1	Đo ...					
2	Đo.					
IV	**Công tác ĐCTV-ĐCCT**					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ .	Km^2 (ha)				
1.1						
V	**Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu**					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1						
2	Gia công mẫu	Mẫu				

2.2						
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	**Lập báo cáo tổng kết**					
1						
VII	**Các công tác khác**					
1	Lấp hào					
2						

(Tên tổ chức, cá nhân)…… cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

3. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (2001814)

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An *(địa chỉ: Tầng 2, khối nhà cơ quan 4, khu trung tâm chính trị - hành chính, phường 6, thành phố Tân An, Long An)* hoặc qua đường bưu điện đến Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc nộp trực tuyến tại cổng thông tin điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp hận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị chuyển nhượng hoặc không cho phép chuyển nhượng

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 06 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	x
3	Bản chính báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản *(Theo khoản 8 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ)*	X (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

***(2) Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thời thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ,hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò.

- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.

Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 23 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01

giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 06: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 42: Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

- Nếu không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:

+ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ

quan có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc

hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủyvăn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản.

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42 Luật khoáng sản:

+ Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

+ Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có);

+ Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước cóthẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải có đủ điều kiện để được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật khoáng sản.

- Quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản:

+ Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò.

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm ....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

.... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: .....Fax:.....

Được phép thăm dò khoáng sản ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện ....., tỉnh .....theo Giấy phép thăm dò số ....., ngày.... tháng ... năm ....của .... Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:

.. (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm ...do. (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số .. ngày .. tháng .. năm... do ... (Cơ uan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện số ..... ngày ... tháng ... năm ... do ...(cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Hợp đồng chuyển nhượng số .....ngày ..... tháng ... năm.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng	**Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng**
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 42

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..…/…..	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

(Trong trường hợp gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……)

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ….. cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...) cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-….. ngày ... tháng ... năm ... cho phép thăm dò khoáng sản ... tại khu vực ... xã ..., huyện, tỉnh/thành phố ... ; được gia hạn tại Giấy phép (gia hạn) số .../GP-..... ngày ... tháng ... năm …., thời hạn gia hạn ... tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân) ……. báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm .... đến ngày ... tháng ... năm ... và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Nội dung báo cáo kết quả thăm dò lập theo mẫu số 38 tại Thông tư này)

II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: ….. tháng/năm, từ ngày.... tháng …. năm.... đến ngày….. tháng…. năm...

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; tăng giảm, lý do
			Theo đề án	Đã thực hiện	Còn lại tiếp tục thăm dò	
I	**Công tác trắc địa**					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km^2 (ha)				
1.1	….					
II	**Công tác địa chất**					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km^2 (ha)				
1.1	…					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	…					
3	…					
III	**Công tác địa vật lý**					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	**Công tác ĐCTV-ĐCCT**					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km^2 (ha)				
1.1	…					
V	**Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu**					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	…					
2	Gia công mẫu	Mẫu				

2.2	…					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3	….					
VI	**Lập báo cáo tổng kết**					
1	…					
VII	**Các công tác khác**					
1	Lấp hào					
2	…					

(Tên tổ chức, cá nhân)…… cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

Mẫu số 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....

(Kèm theo Quyết định số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục thăm dò		
1 2 ...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1 2 ...		
Diện tích: ... ha		

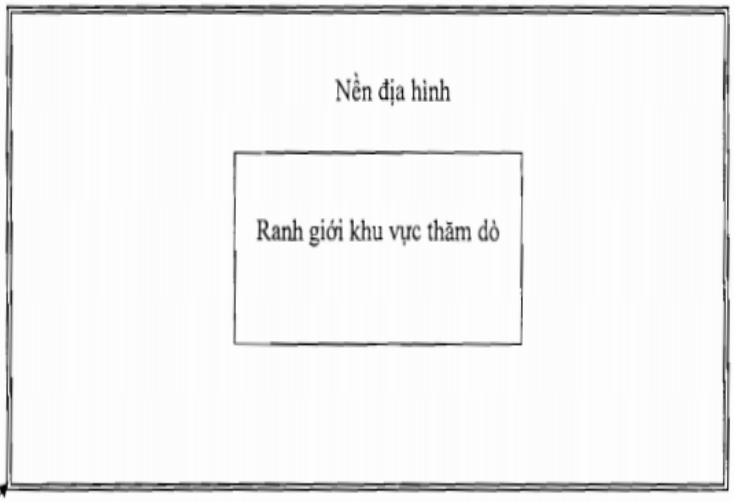

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu..."

4. Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (1.005408)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An *(địa chỉ: Tầng 2, khối nhà cơ quan 4, khu trung tâm chính trị - hành chính, hường 6, thành phố Tân An, Long An)*.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại

địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 05 Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Giấy phép thăm dò khoáng sản	x
3	Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại *(Mẫu số 42 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò *(Mẫu số 33 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
5	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại *(Theo khoản 7 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ)*	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

***(2) Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời thẩm định giá hồ sơ:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải
hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

- Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại

Giấy phép thăm dò (trả lại một phần diện tích thăm dò) khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 05: Đơn đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 33, phụ lục 2: Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản và khu vực tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 42: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày ngày 17 tháng 11 năm2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 05
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm ....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN (HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU Vực THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ....., Fax:.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản/một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ....., ngày.... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thăm dò ...(khoáng sản).... tại khu vực... thuộc xã ...huyện...tỉnh...

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò cần nêu rõ các nội dung sau:

- Diện tích trả lại: ha (km^2)
- Diện tích tiếp tục thăm dò: .....ha (km^2).

Diện tích trả lại và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi toạ độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ khu vực kèm theo Đơn này.

Lý do đề nghị trả lại:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 33 Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU Vực TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ

(tên khoáng sản) tại khu vực xã , huyện..... tinh....

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tinh/thành phố...)

Điểm góc	Hệ VN 2000. kinh tuyến trục.múi chiếu.	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục thăm dò		
1 2		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1 2		
Diện tích: ... ha		

Khung tọa độ

Nền địa hình

Ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò và phần diện tích còn lại tiếp tục thăm dò

Người thành lập
(Ký. họ tên)
"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ ... kinh tuyến trục.... múi chiếu số hiệu..."

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

y

rp _ _ _ ->• Á
Tọa độ các điểm khép góc

CHỈ DẪN

Mẫu số 42

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, Ế NHÂN ĐƯỢC PHẾP **CỘNG HỒ Ỹ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Địa danh ....., ngày..... tháng .. năm .

Số /

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần

đầu ngày... tháng... năm ..... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày..... tháng... năm.... của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ./GP-... ngày . tháng . năm . cho phép thăm dò khoáng sản . tại khu vực ... xã ., huyện, tỉnh/thành phố . ; được gia hạn tại Giấy phép (gian hạn) số ./GP-... ngày . tháng . năm ., thời hạn gia hạn . tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân).. báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày

. tháng . năm .. đến ngày . tháng . năm . và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

I. KẾT QỦA THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)

II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: ..... tháng/năm, từ ngày..... tháng năm đến ngày tháng năm.

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; tăng giảm, lý do
			Theo đề án	Đã thực hiện	Còn lại tiếp tục thăm dò	
I	**Công tác trắc địa**					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ	Km^2 (ha)				
1.						
I	**Công tác địa chất**					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ.	Km^2 (ha)				
1.						
2	Khoan thăm dò	m				
2.						
3						
II	**Công tác địa vật lý**					
1	Đo ...					
2	Đo.					
IV	**Công tác ĐCTV-ĐCCT**					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lê .	Km^2 (ha)				
1.						
V	**Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu**					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.						
2	Gia công mẫu	Mẫu				

2.						
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.						
VI	**Lập báo cáo tổng kết**					
1						
VII	**Các công tác khác**					
1	Lấp hào					
2						

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

5. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (2001787)

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần

- Bước 3. Kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết.

+ Kết thúc công việc kiểm tra hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

+ Kể từ ngày kết thúc công việc gửi tài liệu đến các chuyên gia để lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các chuyên gia.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

- Bước 4. Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng

khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản

+ Khi nhận được đầy đủ hồ sơ, tài liệu do cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc không thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu có) tổ chức phiên họp.

+ Kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

+ Khi nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Khi nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả thực hiệntrực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")

1	Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (*Mẫu số 19 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan *(Mẫu số 39 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản	x
4	Bản chính Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân	x
5	Bản chính báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản	x
6	Dữ liệu của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò (Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản) ghi trên đĩa CD (01 bộ)	

***(2) Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: không quá 184 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

+ Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày làm

việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan..

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên khoáng sản (*Mẫu số 30 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí:

Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:

Số TT	**Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế** (không bao gồm thuế GTGT)	**Mức phí**
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 19: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 39: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 19

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ....., Fax.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng san.... .....theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ..... ngày.... tháng ... năm ..... của ...../hoặc theo đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm ... của (Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tên báo cáo) ....

(Tên tổ chức, cá nhân)....xin chịu trách nhiệm trước (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) .....về tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thuỷ trong nội dung báo cáo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... kính đề nghị (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)...thẩm định thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản..đã tính trong báo cáo./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số: 01

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...

TỌA ĐỘ KHU THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KIOÁNG SẢN..... TẠI XÃ ..., IUYỆN..., TỈNH .

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh..)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000 Kinh tuyến trục...., múi chiếu 6^O		TỌA ĐỘ VN2000 Kinh tuyến trục..., múi chiếu 3^O	
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)
(Diện tích .....ha)				

Phụ lục số: 02

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN.....TẠI KHU VỰC XÃ....., HUYỆN ....., TỈNH.....

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... UBND tỉnh/thànhphố),)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (tấn/m^3)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
Tổng 122				
121+122				

Mẫu số 39
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng san)...., tại xà..., huyện..., tinh.
THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm.)

Địa danh, tháng... năm...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Tác giả:.....
Chủ biên: .....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng san)...., tại xà..., huyện..., tỉnh.

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(*Chức danh*)

Ký, đóng dấu
(*Họ và tên)*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Kí, đóng dấu

Địa danh, tháng ....năm

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan giám sát.
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

CHƯƠNG 1
KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của khu thăm dò, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hoá. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG 2.
ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí khu thăm dò trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo vv);
- Đặc điểm địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm các thân khoáng sản: Số lượng, vị trí phân bố, mối liên kết của các thân khoáng sản theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, đặc điểm phân bố các khoảnh giàu, nghèo quặng, quan hệ giữa thân khoáng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hoá, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sũng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chỉ tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bắt vỉa.. .Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

CHƯƠNG 3
CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác thăm dò địa chất

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dầy, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng ...;
- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò;
- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

1.1. Công tác trắc địa:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối luợng các hạng mục công việc đã thực hiện;

b) Nội dung công tác kỹ thuật

- Thành lập luới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tăng dày đã thành lập; thiết bị đã sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh sai số đo đạc với hạn sai quy định tại quy định hiện hành và đề án phê duyệt.
- Thành lập bản đồ địa hình: nêu phương pháp, thiết bị thành lập bản đồ địa hình, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trục khu vực thành lập bản đồ, mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ.
- Công tác trắc địa công trình: Phuơng pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ; phương pháp định tuyến tuyến thăm dò, điểm trên tuyến.

- Đánh giá chung về chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: File gốc đo lưới giải tích 1,2 bằng công nghệ GPS cùng sổ đo trạm máy; Sổ đo lưới giải tích 1, 2 và đa giác 2 (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Sổ đo lưới đường chuyền kinh vĩ; Sổ đo mặt cắt chi tiết; Sổ đo chi tiết địa hình với hệ thống tọa độ được trút ra từ các file đo của máy toàn đạc điện tử; Sổ đo tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ thống kê tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ đo độ cao (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có);
- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tăng dày, hành trình thủy chuẩn các cấp (nếu có); Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập, tọa độ, độ cao công trình địa chất và bảng (hoặc file) tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình; Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình (nếu có); (thành lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa).

1.2. Công tác địa chất:

Gồm các dạng công viêc: đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như: địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối luợng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ/sơ đồ bố trí công trình (thực tế); Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.
- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.3. Công tác địa vật lý:

a) Đối với công tác địa vật lý chung:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành, máy móc-thiết bị sử dụng, chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

b) Đối với công tác địa vật lý lỗ khoan:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp đã lựa chọn; cách thức đo, ghi, biểu diễn biểu đồ địa vật lý lỗ khoan; phương pháp phân tích tài liệu, xác định chiều dày,

vách, trụ, hàm lượng khoáng sản...theo từng phương pháp tương ứng; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án (điện, từ, xạ, trọng lực.); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế.
- Tài liệu tổng hợp: báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành (thành lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý).

1.4. Thi công công trình thăm dò

a) Công trình khai đào:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

b) Công trình khoan:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.
- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

b) Nội dung kỹ thuật

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫucần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ vv để đề xuất phương án thu hồi bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bẩn bầu khí quyển, thuỷ quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

3. **Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng: nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.**

CHƯƠNG 4
ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;

- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.

- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân

bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hoá (oxy hoá), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hoá

- Thành phần hoá: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số luợng, chất luợng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than, thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có). Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

2 . Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp vv.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THUỶ VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

1. Công tác đo vẽ ĐCTV-ĐCCT

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thuỷ văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ/bản đồ ĐCTV-ĐCCT, Khoan ĐCTV- ĐCCT chuyên môn, Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT, Quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm, Bơm nước thí nghiệm, Múc nước thí nghiệm, Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...), đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV-ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV- ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đổ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).
- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

2. Đặc điểm địa chất thuỷ văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...
- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.
- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v. và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thuỷ văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hoá, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

-Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thuỷ lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thuỷ lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hoá, của đới phá huỷ kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bục nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hoá học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

3. Đặc điểm địa chất công trình

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hoá. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá huỷ, đới phong hoá. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, mương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hoá, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hoá, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hoá trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bục nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6
CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;

- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;

- Nguyên tắc, cách thức khoanh nối thân khoáng tính trữ lượng;

- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.

- Xác định các thông số tính trữ lượng.

- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bốc, đá kẹp.

- Tổng hợp trữ lượng có khả năng khai thác lộ thiên, trữ lượng khai thác hầm lò (nếu có).

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: toạ độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hoá thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng).

CHƯƠNG 7
HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;

- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng.

- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thàn;

- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;

- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;

- Kết quả tính trữ lượng;

- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;

- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

NỘI DUNG BÁO CÁO LUẬN GIẢI CHỈ TIÊU TẠM THỜI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;

- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;

- Công tác thăm dò đã tiến hành;

- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

a) Chỉ tiêu về chất luợng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoanh nối riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vỉa quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vỉa, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu);

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoanh vào ranh giới tính trữ lượng;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

1. Phụ lục số 1: Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

2. Phụ lục số 2: Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa)

3. Phụ lục số 3: Kết quả phân tích các loại mẫu

4. Phụ lục số 4: Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thông kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng..

5. Phụ lục số 5: Kết quả tính trữ lượng (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên..)

6. Phụ lục số 6: Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình)

7. Phụ lục số 7: Công tác Địa vật lý (*nếu có*)

8. Phụ lục số 8: Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ

9. Phụ lục số 9: Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ)

CÁC BẢN VẼ KÈM THEO BÁO CÁO

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thế nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh);
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000;
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh);
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000);
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;
- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);
- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ

này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ

karota lỗ khoan;

- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này
phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất thuỷ văn - địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5000
- Bản đồ địa chất thuỷ văn khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.
- Các đồ thị khí tượng thuỷ văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

Mẫu số 30
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA (UBND TỈNH/THÀNHPHỐ...)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --------- ---------- ---------
Số: ...../QĐ-HĐTLQG/UBND	*Địa danh, ngàythángnăm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt/công nhận trữ lượng/tài nguyên khoáng sản .. trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.. tại khu vực xã.., huyện., tỉnh."
(*Trữ lượng tính đến tháng ... năm ..*)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .. ./QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương... ngày.. tháng.. năm ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ... năm .. của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Quyết định số .. ngày.. tháng. năm .. của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số ./BTNMT ngày . tháng . năm .. của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn/ Căn cứ Thông tư số . ngày ... tháng. năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản..;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ../GP-BTNMT/UBND ngày . tháng .. năm . của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố..;

Xét đề nghị của ..... tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày.. tháng .. năm ..;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng tư vấn tỉnh/thành phố.....tại phiên họp ngay.... tháng năm và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt/công nhận trữ lượng và tài nguyên khoáng sản .. trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản .. tại khu vực xã..., huyện.., tỉnh.....", với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là ...ha (*Bằng chữ*...), có toạ độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt/công nhận trữ lượng khoáng sản ..... đã tính trong báo cáo:

Cấp 121: .. tấn/m^3.

Cấp 122: .. tấn/m^3.

3. Tài nguyên cấp 333:……. tấn/m^3

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: ……. tấn/m^3.

Trữ lượng cấp 122: ……. tấn/m^3.

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: .. tấn/m^3.

Trữ lượng cấp 122: .. tấn/m^3.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

6. Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản... của từng khối, cấp được thống kê

chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu
tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH
(TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ ....
CHỦ TỊCH)

Nơi nhận:
- Bộ trưởng-Chủ tịch Hội đồng/Chủ tịch tỉnh (để b/cáo);
- UBND tỉnh/thành phố ;
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT)
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam/ Sở TNMT;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDTL;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất; Lưu VT, VPTLKS.

Phụ lục số 01

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)

TỌA ĐỘ KHU THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KIOÁNG SẢN..... TẠI XÃ ..., HUYỆN..., TỈNH ...

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-HĐTLQG ngày tháng năm .....của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/UBND tỉnh..)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000 Kinh tuyến trục...., múi chiếu 6^O		TỌA ĐỘ VN2000 Kinh tuyến trục..., múi chiếu 3^O	
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)
(Diện tích .....ha)				

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)

Phụ lục số 02

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ..... TẠI KHU VỰC XÃ HUYỆN ....., TỈNH .....

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-HĐTLQG(UBND) ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/UBND tỉnh/thành phố)...)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (tấn/m^3)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
Tổng 122				
121+122				

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...) **----------:: ----------**

Số: /QĐ-HĐTLQG/UBND *Địa danh, ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNI

Phê duyệt/công nhận trữ lượng/tài nguyên nước khoáng tại lỗ khoan ... trong "Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng .. tại khu vực xã..., huyện.., tỉnh ......"

(Trữ lượng tính đến tháng năm .....)

IỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KIOÁNG SẢN QUỐC GIA (ỦY BAN NIÂN DÂN TỈNI/TIÀNI PIỐ)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .. ,/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương tỉnh ... ngày.. tháng.. năm ..;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-HĐTLQG ngày . tháng .năm ... của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Quyết định số .. ngày..tháng. .năm.. của Chủ tịch UBND tỉnh/Thành phố ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Thông tư số 52/2014/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ../GP-BTNMT/UBND ngày . tháng .. năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố..;

Xét đề nghị của .(tên tổ chức, cá nhân) tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày . tháng . năm . nộp tại Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/ thành phố .;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng tư vấn tỉnh/thành phố ...tại phiên họp ngày ... tháng .. .năm ... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt/công nhận trữ lượng và tài nguyên nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan .. trong "Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng/nước nóng . tại khu vực xã..., huyện.., tỉnh.....", với các nội dung chính sau:

1. Tọa độ lỗ khoan.. Được xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trung tâm..., múi chiếu...: X(m)...Y(m)

2. Trữ lượng nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan..:

Cấp B: .. m^3/ngày.

Cấp C1: .. m^3/ngày.

3. Nguồn nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan.. là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa..; tổng khoáng hóa..mg/l, nhiệt độ..^oC.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất. Quá trình khai thác và sử dụng nước khoáng phải tiến hành lấy mẫu định kỳ, quan trắc theo yêu cầu chuyên môn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng-Chủ tịch Hội đồng/Chủ tịch tỉnh (để b/cáo);
- UBND tỉnh ... ;
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT)
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam/Sở TNMT;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDTL;

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

(TM. ỦY BAN NHÂN ÂN TỈNH/

6. Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (1004083)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đăng ký và kiểm tra thực địa (nếu cần); gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu cần); hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc đăng ký khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (Thông báo) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản *(Phụ lục III Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng năm 2023 của Chính phủ)*	x
2	Bản chính Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản *(Mẫu số 46 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)*	x

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ: không quá 10 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Phụ lục III: Mẫu văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ);

- Mẫu số 46: Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

Phụ lục III

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

(Kèm theo Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KHẢO SÁT, LẤY MẪU TRÊN MẶT ĐẤT ĐỂ LỰA CHỌN DIỆN TÍCH LẬP ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....[1]

Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại: .....Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày ... tháng ... năm ....do ... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số .... ngày... tháng .... năm ... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập Văn phòng đại diện số .... ngày ... tháng ... năm ... do ... (cơ quan quyết định thành lập Văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Đề nghị được khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản).....tại xã (phường, thị trấn) ....., huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương) .....tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).....;

Diện tích khảo sát: ....., tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, lấy mẫu: .....

Thời gian: từ ngày.. .tháng.. .năm.. .đến ngày ... tháng ... năm ...

Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu chi tiết kèm theo Văn bản này.

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan. /.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo:

---

[1] Nơi dự kiến thăm dò khoáng sản

Mẫu số 46
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trường Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../..... *Địa danh....., ngày .... tháng ... năm ....*

KẾ HOẠCH KHẢO SÁT, LẤY MẪU
ĐỂ LỰA CHỌN DIỆN TÍCH LẬP ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ....)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm

Căn cứ Điều 37 Luật khoáng sản, lập kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản .... Tại xã ... huyện ... tỉnh/thành phố ... với nội dung như sau:

1. Phạm vi (diện tích, tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, lấy mẫu .;
2. Thời gian: từ ngày . tháng . năm . đến ngày . tháng . năm .;
3. Số km khảo sát tại thực địa: ... km
4. Tổng số lượng mẫu: .. mẫu, trong đó:

4.1. Mẫu (trọng sa, kim lượng.): ...

+ Số lượng: ...

+ Khối lượng/kích thước mẫu: .

4.2. Mẫu.: ..

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết chỉ khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất và quy định về số lượng, thời gian, khối lượng, kích thước mẫu quy định định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

7. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (1004446)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trườngban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp, điều chỉnh hoặc không cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
	*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản:**	
1	Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản *(Mẫu số 07 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 24 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt	x
4	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định này gồm: - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; - báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

	nhà nước có thẩm quyền; - Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài)	
5	Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định như sau: * Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau: + Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức. * Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau: + Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất. * Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau: + Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã; + Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động,	x

	vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định. Trường hợp đề nghị khai thác quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.	
	*** Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản**	
1	Bản chính Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản *(Mẫu số 11 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt;	x
3	Bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	x
4	Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);*	x
5	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Thuyết minh báo cáo, các bản vẽ kèm theo và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)
	*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình**	
1	Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản *(Mẫu số 12 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12*	

	năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);	
2	Bản chính bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình *(Mẫu số 26 Phụ lục số 02 Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);*	x
3	Bản chính Phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	x
4	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

***(2) Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 87 ngày làm việc.

(2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc.

(3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 57 ngày làm việc.

Cụ thể:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 69 ngày làm việc.

Trong thời gian không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

* Trong thời gian không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp

Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định;

* Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.

*Trong thời gian không quá 38 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 20 ngày làm việc.

Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 45 ngày làm việc.

* Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

* Trong thời gian không quá 35 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: _không quá 12 ngày làm việc

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày làm việc

* Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;

* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 06 ngày làm việc

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.

+ Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản *(Mẫu số 24 Mẫu số 28 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:

Số TT	**Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản**	**Mức thu** (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m^3/năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m^3 đến 10.000 m^3/năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m^3/năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	20.000.000

c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

- Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản:

+ Mẫu số 07: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Mẫu số 24 - Phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

- Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:

+ Mẫu số 11: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản **(**Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài

nguyên và Môi trường);

+ Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác **(**Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:

+ Mẫu số 12: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);

+ Mẫu số 26 Phụ lục số 02: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản:

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản chung cả nước; Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

- Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không.

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 07
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại: ..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm....do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ngày tháng năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản)..tại xã.....huyện.....tỉnh .. đã được ....(cơ quan phê duyệt) phê duyệt theo Quyết định số..... ngày ... tháng ... năm ...

Trữ lượng ....(tên khoáng sản) được phê duyệt: ....tấn (m^3/kg).

Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại khu vực ... thuộc xã ..... huyện .....tỉnh .....với các nội dung như sau:

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km^2), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng huy động vào khai thác: ..... (tấn, m^3,...)

Trữ lượng khai thác: .....(tấn, m^3,...)

Phương pháp khai thác: .....(Hầmlò/lộ thiên).

Công suất khai thác:.....(tấn, m^3,...) /năm

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ... m.

Thời hạn khai thác:..... năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là:.. năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:

Số hiệu, GK	C.sâu (m)	Tọa độ X	Tọa độ Y	Lưu lượng (m^3/ngày)	Hạ thấp Smax (m)	Mức nước tĩnh (m)	Ghi chú

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 24
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)
(Quốc huy)

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Bìa màu trắng)

Số ……
Ngày cấp.....

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BTNMT/UBND *Địa danh, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ .)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../ /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm ...;

Căn cứ Quy hoạch khoáng sản .....;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số .. ngày... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (đối với các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò khoáng sản)/Quyết định số.....ngày...tháng ..năm của về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số .....ngày.....tháng ...năm.....của .....về việc phê duyệt trữ lượng . trong Báo cáo kết quả thăm dò .....;

Căn cứ Quyết định số ./QĐ-BTNMT/UBND. ngày . tháng . năm . của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố . về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và khai thác mỏ . (hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường

và Phương án cải tạo phục hồi môi trường...);

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... tại Công văn số ... ngày tháng .. năm .. về việc ... (nếu có);

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số . ngày . tháng . năm . của cấp cho Dự án đầu tư khai thác mỏ . của (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày...tháng... năm ..... của (tên tổ chức, cá nhân).....nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***(Tên tổ chức, cá nhân)...*** khai thác (tên khoáng sản) bằng phương pháp ... (lộ thiên; hầm lò ...) tại mỏ ... (tên mỏ) thuộc xã huyện... tỉnh

Diện tích khu vực khai thác: (ha, km^2) được giới hạn bởi các điểm góc... có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức ... (m);

(Đối với giấy phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần quy định rõ:

- Vị trí công trình khai thác:

- Số hiệu giếng khoan, chiều sâu, tọa độ, lưu lượng

- Chế độ khai thác .....).

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: ...(tấn, m^3,...).

Trữ lượng khai thác: .....(tấn, m^3,...).

Phương pháp khai thác: ....(hầm lò/lộ thiên/.....)

Công suất khai thác: .....(tấn, m^3,...)/năm.

Thời hạn khai thác: ...năm .....tháng.

Điều 2. ***(Tên tổ chức, cá nhân)*** **.....** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;
2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;
3. Tiến hành hoạt động khai thác (***tên khoáng sản***)... theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố ... để

kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, ***(tên tổ chức, cá nhân)***... phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố ..., Sở Công Thương tỉnh/thành phố ... Thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ,ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ *(trừ trường hợp khai thác nước khoáng)*, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

(Đối với giấy phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn

nước khỏi bị ô nhiễm. Định kỳ quan trắc động thái, kiểm tra chất lượng của nguồn nước và kịp thời khắc phục các biến động xấu; không khai thác quá lưu lượng cho phép và sử dụng nguồn nước theo chỉ định cho phép bằng văn bản của cơ quan Y tế có thẩm quyền).

BỘ TRƯỞNG

(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...

CHỦ TỊCH)

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số /GP-BTNMT/UBND ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục . múi chiếu.)*	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
n		
Diện tích: ... ha		

Mẫu số 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BTNMT ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
…		
Diện tích: …ha		

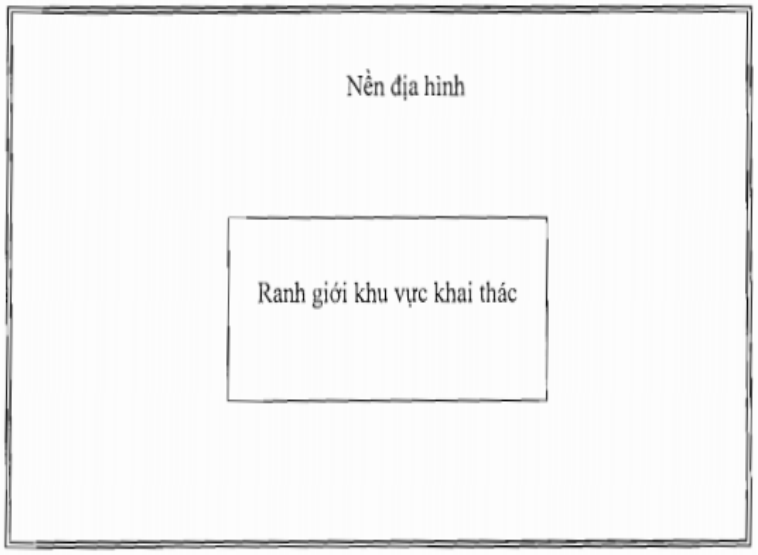

CHỈ DẪN

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu..."

Mẫu số 11
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ....., Fax.....

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã , huyện ...., tỉnh ... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày ... tháng ..... năm .....của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Đề nghị điều chỉnh ... (nội dung điều chỉnh) của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

- . (nội dung theo Giấy phép đã cấp);
- . (nội dung đề nghị điều chỉnh);

(thay đổi về công suất; trữ lượng; thời hạn khai thác, tên chủ đầu tư)

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 43
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …./……	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC
(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: ……..;

2. Loại hình doanh nghiệp: …….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

3. Địa chỉ:……..;

Điện thoại: ……; Fax: ……;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên …….;

- Năm sinh……..;

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm……..

- Loại khoáng sản được phép khai thác: ……;

- Cơ quan cấp phép ……..;

- Vị trí mỏ: thôn……. , xã (phường, thị trấn)…….. , huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác: ……(lộ thiên/hầm lò/……);

- Diện tích khu vực khai thác:……(m^2, ha, km^2);

- Độ cao khai thác: từ mức……m, đến mức……m;

- Trữ lượng được phép khai thác:

+ Trữ lượng địa chất …….(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác ……(tấn, m^3);

- Công suất được phép khai thác: …….. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn Giấy phép khai thác: .... (tháng, năm);

6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...

- Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:……..;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) …….;

- Phương pháp tiếp tục khai thác: ……. (lộ thiên/hầm lò/....);

- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:…….. (m^2, ha, km^2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức …….m, đến mức ……..m;

- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ……..(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác …….(tấn, m^3);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác: ……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .... (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

…

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm….. (từ khi được cấp phép) **đến ngày….. tháng.... năm....**(thời điểm báo cáo)**:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)……. (VND);

2. Tổng vốn đầu tư: ……..(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: ……(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng… năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….. năm…..):…….. (tấn, m^3);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ……. (VND/tấn, m^3);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế……. /thực tế: ……;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng ……. (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ……/(tấn, m^3) đưa vào tuyển, làm giàu:;

- Khối lượng…… (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: …… (tấn, m^3);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: …….. (tấn, m^3);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): …….(tấn, m^3);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: …….. (tấn, m^3);

10. Tổng doanh thu: ……(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: …… (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …… (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ……..(VND);

- Thuế môi trường: ……(VNĐ);

- Tiền thuê đất: ……..(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp …… (VND).

- Khác (nếu có): …….

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản…….. (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:……. (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng…. năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng…..năm……): …….(tấn, m^3).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….năm….):…… (tấn, m^3), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác…….. (tấn, m^3);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ……(tấn, m^3);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):…….. (tấn, m^3).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm……;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền……..(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……..) quy đổi thành tiền……. (VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác……/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài

liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày….tháng….. năm....

2. Thời gian khai thác:…… tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chỉ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp mới phải gửi Báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ....., Fax.....

Được cấp phép đầu tư dự án xây dựng công trình ... (tên dự án) tại xã ... huyện ....., tỉnh..... theo Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... do .... (tên cơ quan) cấp.

Đề nghị được khai thác khoáng sản ... (tên khoáng sản) trong phạm vi ranh giới, diện tích của dự án:

Diện tích khu vực khai thác: ..... (ha, km^2), được giới hạn bởi các điểm góc: ..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng được phép huy động vào khai thác: .....(tấn, m^3,...)

Trữ lượng khai thác: .....(tấn, m^3,...)

Công suất khai thác: .....(tấn, m^3,...)/năm

Mức sâu khai thác:từ mức ... m đến mức ... m.

Thời hạn khai thác: .....năm, kể từ ngày được cấp phép.

Mục đích sử dụng khoáng sản: .....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 26 Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BTNMT ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
…		
Diện tích: …ha		

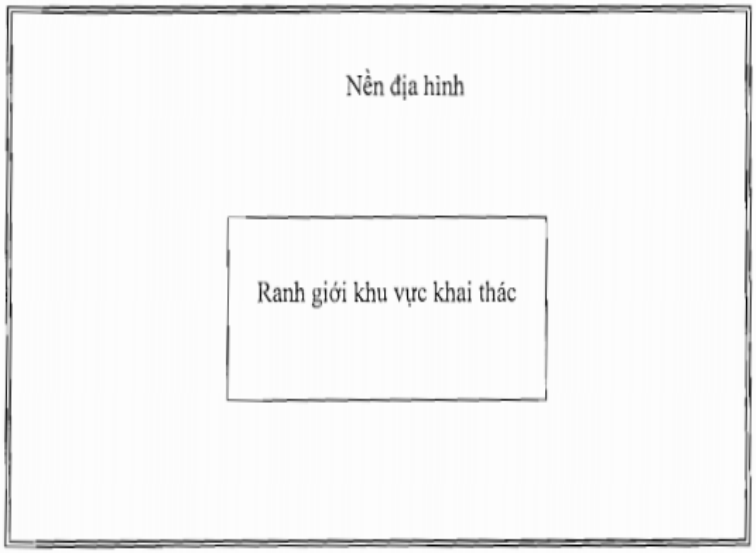

CHỈ DẪN

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu..."

8. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (1004434)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (TH2) tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày làm việc.

+ Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

+ Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (TH2) phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

+ Đối với hồ sơ được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá.

- Bước 3. Nộp tiền đặt trước

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia cuộc đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

+ Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp vào tài khoản thanh toán riêng của Tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (TH1) hoặc nộp vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2);

+ Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia

đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2).

- Bước 4. Tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

+ Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc đấu giá viên tiến hành điều hành cuộc đấu giá theo quy định.

- Bước 5. Trình, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sau khi kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Bước 6. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực khoáng sản được đấu giá.

b) Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (01 bản, theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)	
2	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài	x (bản sao điện tử có

	chính và khả năng huy động tài chính (01 bản, theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)	chứng thực từ bản chính)
3	Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá (01 bản, theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)	x

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.

- Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá tài sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

h) Phí, lệ phí: không

i) Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 03: Bản cam kết thực hiện dự án (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản.

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;

+ Đã nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức cá nhân được

tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

+ Tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì không được tham gia bất kỳ cuộc đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 01
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.....tháng.....năm..(Đăng ký kinh doanh số .....ngày .....tháng.....năm .....)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... thông báo tại khu vực mỏ:

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... thông báo.
2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....lựa chọn cho cuộc đấu giá.
3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các qui định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày .....tháng .....năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN ĐÁNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NÁM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 02
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

HỒ SƠ GIỚI THIỆU

Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản

I. Thông tin chung:

1. Tính pháp lý

(1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

b) Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

(2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

a) Tên doanh nghiệp/tổ chức

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)

c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký
đầu tư, gồm:

- Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)
- Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)
- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)
- Chức vụ
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

. Tổng số năm kinh nghiệm:

Loại hình công việc	**Số năm kinh nghiệm**
- Thăm dò	
- Khai thác	

- Chế biến	
- Khác	
-	

3. Năng lực tài chính (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)

TT		Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu

Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất	Số thiết bị		Chất lượng thực hiện nay
				Thuộc sở hữu	Đi thuê	

II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

a) Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).

b) Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).

c) Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.

d) Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

III. Kiến nghị và cam kết.

a) Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

b) Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Đại diện tổ chức, cá nhân

• •

Mẫu số 03
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NÁM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tên tổ chức, cá nhân: .....
Địa chỉ: .....
Số điện thoại: .....; Fax: .....
Đại diện tổ chức, cá nhân: .....
Chức vụ/nghề nghiệp: .....

CAM KẾT

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

Người lập	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

9. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (1004433)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản

+ Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày làm việc.

+ Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

+ Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (TH2) phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

+ Đối với hồ sơ được xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2) thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá.

- Bước 3. Nộp tiền đặt trước

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia cuộc đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

+ Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp vào tài khoản thanh toán riêng của Tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (TH1) hoặc nộp vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2);

+ Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2).

- Bước 4. Tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

+ Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

+ Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc đấu giá viên tiến hành điều hành cuộc đấu giá theo quy định.

- Bước 5. Trình, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sau khi kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Bước 6. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực khoáng sản được đấu giá.

b) Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (01 bản, theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)	
2	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính (01 bản, theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)
3	Bản chính hoặc bản điện tử được ký chữ ký số chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm (01 bản) và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá (01 bản, theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC)	x

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.

- Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá

quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá tài sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 07b Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

h) Phí, lệ phí: không

i) Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 03: Bản cam kết thực hiện dự án (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản.

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;

+ Đã nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức cá nhân được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

+ Tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì không được tham gia bất kỳ cuộc đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 01
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.....tháng.....năm..(Đăng ký kinh doanh số .....ngày .....tháng.....năm .....)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... thông báo tại khu vực mỏ: .....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... thông báo.
2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....lựa chọn cho cuộc đấu giá.
3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các qui định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày .....tháng.....năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

HỒ SƠ GIỚI THIỆU

Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản

I. Thông tin chung:

1. **Tính pháp lý**

(1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

b) Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

(2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

a) Tên doanh nghiệp/tổ chức

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)

c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)
- Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (số, ngày, nơi cấp)
- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)
- Chức vụ
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

. Tổng số năm kinh nghiệm:

Loại hình công việc	**Số năm kinh nghiệm**
- Thăm dò	
- Khai thác	
- Chế biến	
- Khác	

-	

3. Năng lực tài chính (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)

TT		Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu

Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất	Số thiết bị		Chất lượng thực hiện nay
				Thuộc sở hữu	Đi thuê	

II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

a) Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).

b) Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).

c) Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.

d) Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

III. Kiến nghị và cam kết.

a) Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

b) Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Đại diện tổ chức, cá nhân

Mẫu số 03
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

Mẫu số 03
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NÁM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tên tổ chức, cá nhân: .....
Địa chỉ: .....
Số điện thoại: ; Fax:
Đại diện tổ chức, cá nhân: .....
Chức vụ/nghề nghiệp: .....

CAM KẾT

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

Người lập	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 07b

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...

- Căn cứ quy định cua,Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Căn cứ Biên bản đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày...tháng...năm 20...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác *(tên, loại khoáng sản)* tại khu vực: *(vị trí, tọa độ, diện tích khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản)*

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:
2. Giá trúng đấu giá: .....đồng *(% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).*
3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá
4. Diện tích huyện *(tên huyện)* chiếm ...%. Diện tích huyện *(tên huyện)* chiếm...%.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản trước ngày.. .tháng.. .năm 20...

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định cấp phép, trình cấp phép...

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- (Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá);
- Tổng cục ĐC&KSVN;
- Lưu' HS, VT. ( ).

TM. ỦY BAN NHÂN ÔN
CHỦ T|CH

10. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (2001783)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạnGiấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	

	(Mẫu số 08 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	
2	Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn *(Mẫu số 25 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (*Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏtrước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

(*2) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) - *(Mẫu số 25 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Số TT	**Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản**	**Mức thu** (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m^3/năm	500.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m^3 đến 10.000 m^3/năm	5.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m^3/năm	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	7.500.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	10.000.000

c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 08: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản **(**Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 25, phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản **(**Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác **(**Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đề nghị giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) được xem xét gia hạn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, cụ thể:

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự

án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn, kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo phải phù hợp với Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 08
Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax .....

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện ....., tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày .... tháng ..... năm ...của Ủy ban nhân dân/thành phố

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: ....năm, đến ngày ... tháng ... năm...

Trữ lượng còn lại: ..... (tấn, m^3,...).

Lý do đề nghị gia hạn.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 43
Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------**
Số: …./……	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: ……..;

2. Loại hình doanh nghiệp: …….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

3. Địa chỉ:……..;

Điện thoại: ……; Fax: …….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên …….;

- Năm sinh……..;

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm……..

- Loại khoáng sản được phép khai thác: ……;

- Cơ quan cấp phép ……..;

- Vị trí mỏ: thôn……. , xã (phường, thị trấn)…….. , huyện (thị

xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác: ……(lộ thiên/hầm lò/……);

- Diện tích khu vực khai thác:……(m^2, ha, km^2);

- Độ cao khai thác: từ mức……m, đến mức…….m;

- Trữ lượng được phép khai thác:

+ Trữ lượng địa chất …….(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác ……(tấn, m^3);

- Công suất được phép khai thác: …….. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn Giấy phép khai thác: .... (tháng, năm);

6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...

- Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:……..;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) …….;

- Phương pháp tiếp tục khai thác: ……. (lộ thiên/hầm lò/....);

- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:…….. (m^2, ha, km^2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức …….m, đến mức ……..m;

- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ……..(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác …….(tấn, m^3);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác: ……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .... (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

…

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm….. (từ khi được cấp phép) **đến ngày….. tháng.... năm....**(thời điểm báo cáo)**:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)……. (VND);

2. Tổng vốn đầu tư: ……..(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: ……(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng… năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….. năm…..):…….. (tấn, m^3);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ……. (VND/tấn, m^3);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế……. /thực tế: ……;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng ……. (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ……/(tấn, m^3) đưa vào tuyển, làm giàu:;

- Khối lượng…… (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: …… (tấn, m^3);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: …….. (tấn, m^3);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): …….(tấn, m^3);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: …….. (tấn, m^3);

10. Tổng doanh thu: ……(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: …… (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …… (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ……..(VND);

- Thuế môi trường: ……(VNĐ);

- Tiền thuê đất: ……..(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp …… (VND).

- Khác (nếu có): …….

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản…….. (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:……. (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng…. năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng…..năm……): …….(tấn, m^3).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….năm….):…… (tấn, m^3), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác…….. (tấn, m^3);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ……(tấn, m^3);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):…….. (tấn, m^3).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm……;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền……..(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……..) quy đổi thành tiền……. (VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác……/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày….tháng….. năm....

2. Thời gian khai thác:…… tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chỉ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp mới phải gửi Báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

-

Mẫu số 25
Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **
Số: ……../GP-BTNMT/UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../ /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm ...

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân);

Căn cứ Công văn số ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .) (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân) ngày tháng năm nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... để ***(Tên tổ chức, cá nhân)……*** được tiếp tục khai thác (tên khoáng sản)... tại xã…., huyện ..., tỉnh ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. ***(tên tổ chức, cá nhân)…….*** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ….;

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm .... Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ... /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ..

Nơi nhận:
- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục . múi chiếu.)*	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
n		
Diện tích: ... ha		

Mẫu số 25

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BTNMT ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
…		
Diện tích: …ha		

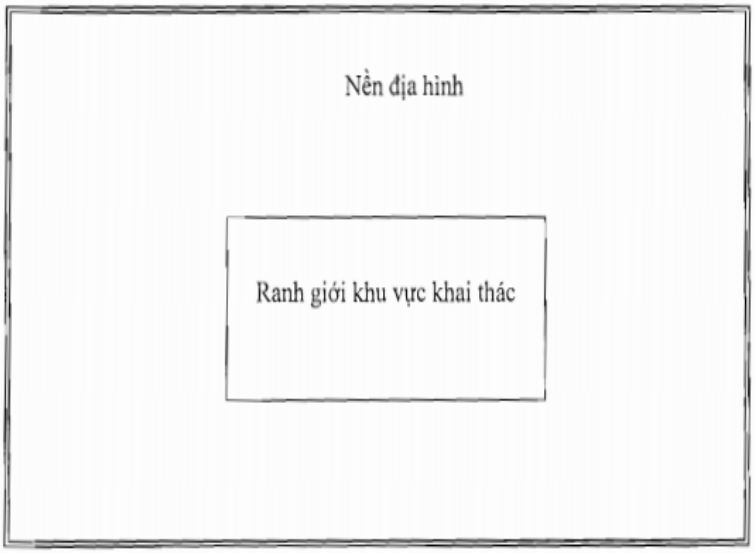

CHỈ DẪN

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu..."

11. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (1004345)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị cho phép chuyển nhượng

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá

nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 10 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng	x
3	Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng *(Mẫu số 24 Phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộtrưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản *(Mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
5	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả khai thác nâng cấp trữ	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

	lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.	
6	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính của Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài).	x

(2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải
hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng

- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khai thác khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng.

Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Số TT	**Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản**	**Mức thu** (đồng/giấy
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m^3/năm	500.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m^3 đến 10.000 m^3/năm	5.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m^3/năm	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	7.500.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	10.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	20.000.000

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 10: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác **(**Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 24 Phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã.

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã khai thác, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 10 của Luật khoáng sản. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công việc quy định tại khoản 1 Điều 66 và các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác;

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Khu vực được phép khai thác không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khoáng sản.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khi thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 10
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân tỉnh/thành phố...

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Được phép khai thác khoáng sản ...(tên khoáng sản) tại xã huyện... tỉnh theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày ..... tháng ... năm ..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....)

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm....do. (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số ngày ... tháng ..... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số ..... ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng **Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu) (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 43
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …./……	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC
(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: ……..;

2. Loại hình doanh nghiệp: …….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

3. Địa chỉ:……..;

Điện thoại: …….; Fax: …….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên …….;

- Năm sinh……..;

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm……..

- Loại khoáng sản được phép khai thác: ……;

- Cơ quan cấp phép ……..;

- Vị trí mỏ: thôn…… , xã (phường, thị trấn)…….. , huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác: ……(lộ thiên/hầm lò/……);

- Diện tích khu vực khai thác:……(m^2, ha, km^2);

- Độ cao khai thác: từ mức…….m, đến mức…….m;

- Trữ lượng được phép khai thác:

+ Trữ lượng địa chất …….(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác ……(tấn, m^3);

- Công suất được phép khai thác: …….. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn Giấy phép khai thác: .... (tháng, năm);

6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...

- Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:……..;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) …….;

- Phương pháp tiếp tục khai thác: …… (lộ thiên/hầm lò/....);

- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:…….. (m^2, ha, km^2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức …….m, đến mức ……..m;

- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ……..(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác …….(tấn, m^3);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác: ……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .... (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

…

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm….. (từ khi được cấp phép) **đến ngày….. tháng.... năm....**(thời điểm báo cáo)**:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác

khoáng sản)……. (VND);

2. Tổng vốn đầu tư: ……..(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: ……(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng… năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….. năm…..):…….. (tấn, m^3);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ……. (VND/tấn, m^3);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế……. /thực tế: ……;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng ……. (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ……./(tấn, m^3) đưa vào tuyển, làm giàu:;

- Khối lượng…… (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: …… (tấn, m^3);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: …….. (tấn, m^3);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): …….(tấn, m^3);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: …….. (tấn, m^3);

10. Tổng doanh thu: ……(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: …… (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …… (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ……..(VND);

- Thuế môi trường: ……(VNĐ);

- Tiền thuê đất: ……..(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp …… (VND).

- Khác (nếu có): …….

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản…….. (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:……. (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng…. năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng…..năm……): …….(tấn, m^3).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….năm….):…… (tấn, m^3), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác…….. (tấn, m^3);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ……(tấn, m^3);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):…….. (tấn, m^3).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm……;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền……..(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……..) quy đổi thành tiền……. (VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác……/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày….tháng….. năm....

2. Thời gian khai thác:…… tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chỉ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp mới phải gửi Báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 24
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BTNMT
ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
…		
Diện tích: …ha		

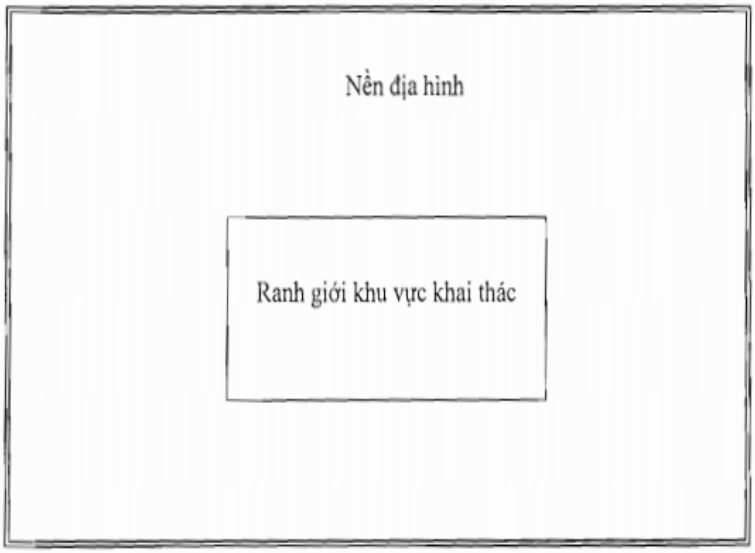

CHỈ DẪN

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ
địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiếu..., số hiệu..."

12. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (1004135)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản,trả lại một phần diện tích khu vựckhai thác khoáng sản; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản,trả lại một phần diện tích khu vựckhai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản,trả lại một phần diện tích khu vựckhai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản,trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản *(Mẫu số 09 Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại *(Mẫu số 34, phụ lục 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản *(Mẫu số 24 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại *(Mẫu số 36, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)*	x
5	Bản chính Đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác *(Mẫu số 02, mẫu số 43 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)*	x
6	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản,	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản

	thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.	chính)

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ: không quá 45 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thời thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 27 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác (trả lại một phần khu vực khai thác) khoáng sản *(Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 09: Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 36: Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43 Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)

- Mẫu số 34, phụ lục 2: Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích giấy phép khai thác và diện tích còn lại tiếp tục khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU Vực KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax .....

Đề nghị được trả lại (Giấy phép khai thác khoáng sản số ..... ngày.... tháng..... năm...../một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản của Giấy phép số ..... ngày.... tháng.... năm.....) do Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cấp tại mỏ ....(tên mỏ) thuộc xã ..... huyện tỉnh

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác cần phải có các thông tin sau:

- Diện tích được cấp phép khai thác: ... (ha, km^2).
- Diện tích đề nghị trả lại: ..... (ha, km^2).
- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác: ..... (ha, km^2).

(Diện tích đề nghị trả lại và khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác có toạ độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo).

Lý do đề nghị trả lại.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 36
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ……/……..	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO (ĐỊNH KỲ)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM

Kính gửi : .....

1. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: .....;
2. Loại hình doanh nghiệp: .....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

Đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ..... cấp lần đầu ngày... tháng... năm..... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số. .....ngày....tháng. năm.....của).

3. Địa chỉ: .....;

Điện thoại: ..... ; Fax: .....;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên .....;
- Năm sinh .....;
- Trình độ chuyên môn .....

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày..... tháng.... năm ..... đến ngày ... tháng ... năm...

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:... ngày... tháng năm

A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....;
2. Cơ quan cấp phép.....;
3. Diện tích khu vực khai thác: .....(m^2, ha, km^2);
4. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
5. Độ cao khai thác: từ .....m, đến .....m;
6. Trữ lượng được phép khai thác:

- Trữ lượng địa chất .....(tấn, m^3),
- Trữ lượng khai thác ...(tấn, m^3);

7. Công suất được phép khai thác: .....:.(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);
8. Thời hạn giấy phép: . (tháng, năm);

9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND); *Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số.....ngày...tháng năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố ...*

10. Vị trí mỏ: thôn ....., xã....., huyện....., tỉnh .....;

B. Hoạt động khai thác khoáng sản

11. Tổng vốn đầu tư: .....(VND);

12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản .....(VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12:.....(tấn, m^3);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm: .....(VND/tấn, m^3);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: .....;

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: ..... (tấn, m^3);
- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: .....(tấn, m^3);
- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: .....(tấn, m^3);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): .....(tấn, m^3);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: ..... (tấn, m^3);

19. Tổng doanh thu: .....(VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: .....(VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: .....(VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ...(VND);
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: ... (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: . (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp..(VND).
- Khác (nếu có): .....

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

22. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản: .....(VND);

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

23. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

24. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

25. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) ...;

26. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ...) .....;

27. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

D. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:...ngày...tháng .năm...(nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên) .....

III. Đề xuất, kiến nghị

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

Mẫu số 43
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …./……	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC
(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: ……..;

2. Loại hình doanh nghiệp: …….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

3. Địa chỉ:……..;

Điện thoại: ……; Fax: …….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên …….;

- Năm sinh……..;

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm……..

- Loại khoáng sản được phép khai thác: ……;

- Cơ quan cấp phép ……..;

- Vị trí mỏ: thôn……. , xã (phường, thị trấn)…….. , huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác: ……(lộ thiên/hầm lò/……);

- Diện tích khu vực khai thác:……(m^2, ha, km^2);

- Độ cao khai thác: từ mức……m, đến mức……m;

- Trữ lượng được phép khai thác:

+ Trữ lượng địa chất …….(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác ……(tấn, m^3);

- Công suất được phép khai thác: …….. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn Giấy phép khai thác: .... (tháng, năm);

6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...

- Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:……..;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) …….;

- Phương pháp tiếp tục khai thác: ……. (lộ thiên/hầm lò/....);

- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:…….. (m^2, ha, km^2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức …….m, đến mức ……..m;

- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ……..(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác …….(tấn, m^3);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác: ……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .... (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

…

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm….. (từ khi

được cấp phép) **đến ngày….. tháng.... năm....**(thời điểm báo cáo)**:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)……. (VND);

2. Tổng vốn đầu tư: ……..(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: ……(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng… năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….. năm…..):…….. (tấn, m^3);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ……. (VND/tấn, m^3);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế……. /thực tế: ……;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng ……. (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ……/(tấn, m^3) đưa vào tuyển, làm giàu:;

- Khối lượng…… (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: …… (tấn, m^3);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: …….. (tấn, m^3);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): …….(tấn, m^3);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: …….. (tấn, m^3);

10. Tổng doanh thu: ……(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: …… (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …… (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ……..(VND);

- Thuế môi trường: ……(VNĐ);

- Tiền thuê đất: ……..(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp …… (VND).

- Khác (nếu có): …….

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản…….. (VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:……. (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng…. năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng…..năm……): …….(tấn, m^3).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….năm….):…… (tấn, m^3), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác…….. (tấn, m^3);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ……(tấn, m^3);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):…….. (tấn, m^3).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm……;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền……..(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……..) quy đổi thành tiền……. (VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác……/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày….tháng….. năm....

2. Thời gian khai thác:…… tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác ... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chỉ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp mới phải gửi Báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 34
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……/QĐ-BTNMT/UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ…..)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số …./…./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ quy định

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm …);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/một phần diện tích khai thác khoáng sản của (Tên tổ chức, cá nhân) …. ngày.... tháng....năm.... kèm theo báo cáo kết quả hoạt động khai thác .... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/ thành phố ….;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***(Tên tổ chức, cá nhân)***…… được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản ……. số ….. ngày ….. tháng ….. năm.... (trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.... theo Giấy phép khai thác số....., ngày..... tháng... năm...)

Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản cần quy định cụ thể:

- Diện tích được phép trả lại …… (ha, km^2); trữ lượng:……. (tấn, m^3,….).

- Diện tích tiếp tục khai thác…….. (ha, km^2), trữ lượng:…….. (tấn, m^3,...).

(được giới hạn bởi các điểm khép góc.... có tọa độ theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Quyết định này).

- Thời hạn khai thác: …… năm, đến ngày... tháng... năm....

Điều 2. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, ***(Tên tổ chức, cá nhân)***……. phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản ở khu vực …….. (theo Giấy phép đã trả lại hoặc trên diện tích khai thác đã trả lại) và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả khai thác, tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...) theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện việc đóng cửa mỏ để thanh lý (hoặc để bảo vệ); các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

(Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác cần quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thông báo việc thực hiện Quyết định cho phép trả lại và kế hoạch khai thác, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật)

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ….
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ....)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI DIỆN TÍCH

VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.)

rri /V Tên -»• Á r điểm góc	**Hệ VN-2000** Kinh tuyến trục ..., múi chiếu...	
	X(m)	**Y**(m)

Mẫu số 34
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC KHAI THÁC

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)...., xã....., huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày.... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố...

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục khai thác		
1 2 ...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1 2 ...		
Diện tích: ... ha		

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....
"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu..."

13. Đóng cửa mỏ khoáng sản (1004367)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc đủ nhưng chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào kết quả xem xét hồ sơ lấy ý kiến nhận xét phản biện của thành viên Hội đồngthẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Sau khi nhận được ý kiến nhận xét, phản biện, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.

Kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải hổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào kết quả thẩm định hoàn chỉnh hồ sơ, lập Tờ trình, trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ

Sau khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

- Bước 6. Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đóng cửa mỏ theo đúng đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

- Bước 7. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản và đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

Kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Bước 8. Trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

- Bước 9. Quyết định đóng cửa mỏ

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Bước 10. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 20 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng *sản (Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ *(Mẫu số 32, Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính Báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ	x
5	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

	cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.	

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 78 ngày làm việc

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải hổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.

- Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

+ Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt

đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt
đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

- Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hoàn trả tiền ký quỹ phục hồi môi trường, cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thời hạn trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thời hạn ban hành Quyết định đóng cửa mỏ: Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Bảo vệ môi trường và Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và Quyết định về việc đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. (Mẫu số 31; Mẫu số 32 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

h) Phí, lệ phí: Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 20: Đơn đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 32 Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức cá, nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật khoáng sản phê duyệt trước khi thực hiện.

- Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.

- Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong

lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

Mẫu số 20
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU Vực KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/Thành phố....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: ....., Fax .....

Đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng.... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) tại mỏ (tên mỏ) ..... thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh ...

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ: ... ha (km^2)

Lý do đóng cửa mỏ/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản: .....

(Đối với trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa là: .....(ha, km^2).
- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là: ...(ha, km^2).

Diện tích khu vực đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa và khu vực tiếp tục được hoạt động khai thác có toạ độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)
ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản

Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)
ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Chức danh)
(Chức danh)

Chữ kí, đóng dấu *Chữ kí, đóng dấu*

Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập Đề án đóng cửa mỏ ..:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;

- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm ....,của....;

- Thiết kế mỏ .....được phê duyệt tại Quyết định số .....ngày tháng năm 20 ....của ...;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ .....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số.....ngày.....tháng.....năm ....của ....;

- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm .....(có phụ lục liệt kê kèm theo);

- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm ....(có phụ lục liệt kê kèm theo);

- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập Đề án đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng của toàn bộ khu vực khai thác), làm rõ:

- Đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác.. .đối với khai thác lộ thiên; hay phá hỏa toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v...).

- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Phương án cải tạo phục hồi môi trườngtrong khai thác khoáng sản đã duyệt và trả lại diện tích đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai hay sử dụng cho mục đích khác v.v Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đạt được.

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ phải

đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo đề án/dự án/phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong/lò khai thác), các công trình phụ trợ trên mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện Đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Nêu khái quát quát trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập Đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (toạ độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của Dự án đầu tư.

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra,nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa Dự án đầu tư và *Thiết kế mỏ* theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo Dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với Dự án đầu tư, Thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v ...;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc *Phương án cải tạo, phục mồi môi trường* trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng

cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép.

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng của mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ.
- Cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường và khu vực khai thác mỏ sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công Đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v...
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án/Dự án/Đề án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất; - Bản đồ ba chiều (3D) hoàn

thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

Mẫu số 31
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-BTNMT/UBND *Địa danh, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) xã .. huyện ..., tỉnh ...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số.../ /NĐ-CP ngày... tháng...năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày...tháng... năm ...;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày .. tháng .. năm của cho phép được khai thác mỏ .., xã .., huyện ..., tỉnh ..;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ

theo Quyết định số ... ngày tháng năm của về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ ... của...(tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ);

Xét Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ ngày ... tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ) nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) .xã .huyện .tỉnh ... đã cấp cho .. theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày .. tháng .. nămcủa với các nội dung cơ bản sau đây:

- Mục đích đóng cửa mỏ: Để quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (hoặc thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng) và giao đất (thu hồi) cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố . để quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường các khu vực đã khai thác.

Diện tích đóng cửa mỏ: . ha, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trục ., múi chiếu. .., có tọa độ các điểm khép góc nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Khối lượng thực hiện: theo đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh/thành phố.) thẩm định và thông qua.

Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: tháng;

Kinh phí thực hiện đóng của mỏ đồng, từ nguồn ;

Tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ... (nêu rõ tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác - nêu rõ tên tổ chức, cá nhân thực hiện trong trường hợp này).

Điều 2. ***(Tổ chức, cá nhân)...*** có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt;

2. Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đòng cửa mỏ theo quy định.

3. Báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố . khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra,

nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ ;

4. Đề nghị đóng cửa mỏ/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố .., (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố.), (tổ chức, cá nhân) và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS VN;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
- Lưu VT, HS, KS.

BỘ TRƯỞNG
(TM.UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
CHỦ TỊCH)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục

TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

rriA Tên -> Ă r điểm góc	**Hệ VN-2000** Kinh tuyến trục .., múi chiếu...	
	X(m)	**Y**(m)

Mẫu số 32
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....)
Số: ...../QĐ-BTNMT/UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa danh, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) xã huyện tỉnh ...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ .....)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../ ..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm .....);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số …./… ngày ... tháng ... năm …. của …. cho phép ….. được khai thác mỏ ….., xã …., huyện ……., tỉnh ….;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày … tháng ... năm … của .... về việc

phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ …., xã …., huyện …., tỉnh …. của …..;

Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra công tác đóng cửa mỏ tại mỏ …., xã …., huyện ….., tỉnh …. kèm Biên bản kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ …..;

Xét Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày ... tháng ... năm ... của ... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/ thành phố …;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh /thành phố....),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) .xã .huyện .tỉnh ... đã cấp cho .. theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày .. tháng .. năm .....của .....;

Mục đích đóng cửa mỏ: để quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (hoặc thanh lý tài nguyên thuộc phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng) và giao đất (thu hồi) cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố . để quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

Diện tích đóng cửa khai trường: . ha, thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trục ., múi chiếu .., có tọa độ các điểm khép góc theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Quyết định này.

Điều 2. ***(Tổ chức, cá nhân)...***đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường đối với các nội dung như sau:

(Liệt kê các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được hoàn thành và số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường được hoàn trả).

Điều 3. ***(Tổ chức, cá nhân)...***có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

2. Hoàn tất việc thanh lý hợp đồng thuê đất và các hợp đồng khác liên quan tới việc thực hiện khai thác khoáng sản phần diện tích khu vực khai thác được đóng cửa theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong đề án đóng cửa mỏ, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .., (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .), (tổ chức, cá nhân) và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ….
CHỦ TỊCH)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
…….
- Lưu VP, KS.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 1

(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN/ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.)

Tên điểm góc	**Hệ VN-2000** Kinh tuyến trục ..., múi chiếu.	
	X(m)	**Y**(m)
Diện tích: ... ha		

Phụ lục 2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản).....tại khu vực xã , huyện..... tỉnh....

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ..... tháng ....năm....của UBND tỉnh/thành phố...

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000. kinh tuyến trục.múi chiếu.	
	X(m)	Y(m)
1 2		
Diện tích: … ha		

Khung tọa độ

Ranh giới khu vực đóng cửa mo khoáng sản

Người thành lập (Ký. họ tên)

Tỷ lệ:...

Tổ chức. cá nhân thành lập (Ký. đóng dấu)

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ ....

kinh tuyến trục ...múi chiếu..... số hiệu...”

14. Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (2001781)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề
nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản *(Mẫu số 13 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản *(Mẫu số 29, Phụ lục số 2 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt	x

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 33 ngày làm việc

- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

- Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy

phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhan dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 13: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 29 Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 13
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …….

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:…… Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm....do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu (tên khoáng sản)……. tại xã…….huyện…… tỉnh

Diện tích khu vực khai thác: ….(ha, km^2), được giới hạn bởi các điểm góc: …….. có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:……. (tấn, m^3,…..).

Trữ lượng khai thác: ……. (tấn, m^3,…)

Công suất khai thác:……. (tấn, m^3,...)

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ....m.

Thời gian khai thác …….. năm, kể từ ngày được cấp giấy phép.

(Tên tổ chức, cá nhân)…….. cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 29

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP KHAI THÁC
TẬN THU KHOÁNG SẢN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ .... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /GP-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Địa danh, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng ... năm ...;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường;

Căn cứ Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản số ... ngày .. .thang ... năm của ... ;

Căn cứ Giấy phép đầu tư số ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày...tháng năm của nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***(Tên tổ chức, cá nhân)...*** được khai thác tận thu (tên khoáng sản) bằng phương pháp (lộ thiên, hầm lò ...) tại (tên khu vực) thuộc xã huyện... tỉnh ....

Diện tích khu vực khai thác: .....(ha, km^2) được giới hạn bởi các điểm góc... có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức .....(m);

Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất.....(tấn, m^3,..);
- Trữ lượng khai thác .....(tấn, m^3,..);

Thân khoáng .....

Công suất khai thác: .....(tấn, m^3,...).

Thời hạn khai thác: ...năm

Điều 2. ***(Tên tổ chức, cá nhân)*** **.....** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;
2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;
3. Tiến hành hoạt động khai thác (***tên khoáng sản***)... theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ... (Sở Tài nguyên Môi trường...) kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.
6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

   Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản,

bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, ***(tên tổ chức, cá nhân)***. phải nộp thiết kế mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố., ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ…
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Sở TNMT tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*	
	X (m)	*Y (m)*
1		
2		
n		
Diện tích: ... ha		

Phụ lục 2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

BẢN ĐỒ KHU VỰC
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản) tại khu vực xã , huyện..... tỉnh....

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND ngày tháng ....năm....của UBND tinh/ thành phố...)

rp _ -
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000. knh tuyến trục.múi chiếu.	
	X(m)	Y(m)
1		
2		

CHỈ DẪN

Ranh giới khu vực khai thác

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký. họ tên)
"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ ... kinh tuyến trục ...

Tỷ lệ:

Tổ chức. ế nhn thnh lập

múi chiếu số hiệu...”

15. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (1004343)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn	
2	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn: Nộp lệ phí cấp phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; bảo hiểm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản; Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực; nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.	x (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: không quá 18 ngày làm việc

- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhan dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

i) Lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 14: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 43: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch khai thác tiếp theo (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 14
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....
Trụ sở tại: .....
Điện thoại: ....., Fax .....
Được phép khai thác tận thu .....(tên khoáng sản) .....tại xã .....huyện .....theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ..... ngày.... tháng... năm.....của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...
Đề nghị được gia hạn thời gian khai thác tận thu: .....năm, đến ngày ... tháng ... năm .
Trữ lượng khai thác còn lại: ..... (tấn, m^3,...)
Lý do xin gia hạn .....
(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./. Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 43
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …./……	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: ……..;

2. Loại hình doanh nghiệp: …….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

3. Địa chỉ:……..;

Điện thoại: ……; Fax: …….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên …….;

- Năm sinh……..;

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm……..

- Loại khoáng sản được phép khai thác: ……;

- Cơ quan cấp phép ……..;

- Vị trí mỏ: thôn……. , xã (phường, thị trấn)…….. , huyện (thị xã,

thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác: ……(lộ thiên/hầm lò/……);

- Diện tích khu vực khai thác:……(m^2, ha, km^2);

- Độ cao khai thác: từ mức…….m, đến mức…….m;

- Trữ lượng được phép khai thác:

+ Trữ lượng địa chất …….(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác ……(tấn, m^3);

- Công suất được phép khai thác: …….. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn Giấy phép khai thác: .... (tháng, năm);

6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày .... tháng....năm ...

- Cơ quan ban hành:

- Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:……..;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) …….;

- Phương pháp tiếp tục khai thác: …… (lộ thiên/hầm lò/....);

- Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:…….. (m^2, ha, km^2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mức …….m, đến mức ……..m;

- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:

+ Trữ lượng địa chất ……..(tấn, m^3),

+ Trữ lượng khai thác …….(tấn, m^3);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác: ……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: .... (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

…

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm….. (từ khi được cấp phép) **đến ngày….. tháng.... năm....**(thời điểm báo cáo)**:**

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)……. (VND);

2. Tổng vốn đầu tư: ……..(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: ……(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng… năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….. năm…..):…….. (tấn, m^3);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: ……. (VND/tấn, m^3);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế……. /thực tế: ……;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng ……. (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản nguyên khai ……/(tấn, m^3) đưa vào tuyển, làm giàu:;

- Khối lượng…… (tấn, m^3), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: …… (tấn, m^3);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: …….. (tấn, m^3);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): …….(tấn, m^3);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: …….. (tấn, m^3);

10. Tổng doanh thu: ……(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: …… (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …… (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ……..(VND);

- Thuế môi trường: ……(VNĐ);

- Tiền thuê đất: ……..(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp …… (VND).

- Khác (nếu có): …….

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản……..

(VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:……. (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng…. năm….) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng…..năm……): …….(tấn, m^3).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng….năm….):…… (tấn, m^3), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác…….. (tấn, m^3);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ……(tấn, m^3);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):…….. (tấn, m^3).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm……;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền……..(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……..) quy đổi thành tiền……. (VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác……/giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày….tháng….. năm....

2. Thời gian khai thác:…… tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chỉ Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp mới phải gửi Báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 29
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP KHAI THÁC
TẬN THU KHOÁNG SẢN

(Bìa màu trắng)

Số...
Ngày cấp .....

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng ... năm ...;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số .....ngày ....tháng....năm....của.....về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò .....;

Căn cứ Quyết định số .....ngày ....tháng....năm....của.....về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường;

Căn cứ Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản số .... ngày ... tháng ... năm ... của ..;

Căn cứ Giấy phép đầu tư số ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày...tháng..... năm ....của.....nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố .;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***(Tên tổ chức, cá nhân)...*** được khai thác tận thu (tên khoáng sản) bằng phương pháp (lộ thiên, hầm lò ...) ..... tại (tên khu vực)..... thuộc xã ..... huyện... tỉnh....

Diện tích khu vực khai thác: .....(ha, km^2) được giới hạn bởi các điểm góc... có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức .....(m);

Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất (tấn, m^3,..);
- Trữ lượng khai thác.....(tấn, m^3,..);

Thân khoáng.....

Công suất khai thác:.....(tấn, m^3,...).

Thời hạn khai thác: ...năm

Điều 2. ***(Tên tổ chức, cá nhân)*** **.....** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác (***tên khoáng sản***)... theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ... (Sở Tài nguyên Môi trường...) kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, ***(tên tổ chức, cá nhân)***. phải nộp thiết kế mỏ, kế hoạch

khai thác cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố..., ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Sở TNMT tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao).

TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ…
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND ngày tháng năm của ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

Điểm góc	**Hệ tọa độ VN-2000** *(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)*	
	X (m)	*Y (m)*
1		
2		
n		
Diện tích: ... ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Phụ lục 2

Tọa độ các điêm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục.múi chiếu.	
	X(m)	Y(m)
1 2		

BẢN ĐỒ KHU VỰC
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản) tại khu vực (mỏ).., xã , huyện...., tỉnh....
(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND ngày tháng .....năm ....của UBND tỉnh/ thành phố...)

CHỈ DẪN

Nền địa hình

Ranh giới khu vực khai thác

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiếu..., số hiệu..."

16. Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (2001777)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu "X")
1	Bản chính Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 15 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	
2	Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 29 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
3	Bản chính Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép *(Mẫu số 36 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
4	Bản chính Đề án đóng cửa mỏ *(Mẫu số 02 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*	x
5	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại	X (bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính)

***(2) Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 21 ngày làm việc

- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải

hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhan dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản *(Mẫu số 34 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 15: Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 36: Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số

45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 15
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân) .....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: ....., Fax .....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày .... tháng .... năm..... do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp tại mỏ (tên mỏ) ..... thuộc xã ..... huyện .... tỉnh ....

Lý do đề nghị trả lại:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 36
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ……/……..	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO (ĐỊNH KỲ)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN *NĂM*

Kính gửi: ……..

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: ……..;

2. Loại hình doanh nghiệp:…….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

Đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ……. cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số .... ngày ..... tháng ..... năm .... của …….).

3. Địa chỉ: ……;

Điện thoại: ……; Fax: …….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên…….;

- Năm sinh…….;

- Trình độ chuyên môn……..

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm…… đến ngày tháng.... năm....

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số……. ngày... tháng.... năm……...

A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác……..;

2. Cơ quan cấp phép…….;

3. Diện tích khu vực khai thác:……..(m^2, ha, km^2);

4. Phương pháp khai thác:…… (lộ thiên, hầm lò);

5. Độ cao khai thác: từ ……m, đến ……m;

6. Trữ lượng được phép khai thác:

- Trữ lượng địa chất …….(tấn, m^3),

- Trữ lượng khai thác ……(tấn, m^3);

7. Công suất được phép khai thác: …… (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

8. Thời hạn giấy phép: .... (tháng, năm);

9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)…… (VND); *Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày... tháng....năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố....*

10. Vị trí mỏ: thôn……., xã……, huyện……, tỉnh…….;

B. Hoạt động khai thác khoáng sản

11. Tổng vốn đầu tư:……(VND);

12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản …….(VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12: …….(tấn, m^3);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm: ……..(VND/tấn, m^3);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: …….;

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: ……. (tấn, m^3);

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: ……. (tấn, m^3);

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: …….. (tấn, m^3);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ……. (tấn, m^3);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: …… (tấn, m^3);

19. Tổng doanh thu: …… (VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: …….. (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: …….. (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản …… (VND);

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).

- Khác (nếu có): .....

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

22. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản: …….. (VND);

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

23. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản……;

24. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm……;

25. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...)…….;

26. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……)……..;

27. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

D. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:...ngày...tháng....năm...(nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên)…….

……..

III. Đề xuất, kiến nghị

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)

Mẫu số 02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)
ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)
ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Chức danh)
(Chức danh)

Chữ kí, đóng dấu *Chữ kí, đóng dấu*

Địa danh, Năm 20...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ...:

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm ....,của....;
- Thiết kế mỏ .....được phê duyệt tại Quyết định số .....ngày tháng năm 20 ....của....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ .....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số.....ngày.....tháng.....năm ....của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm .....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm ....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng của toàn bộ khu vực khai thác), trong đó làm rõ:

Đóng cửa mỏ để đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác.. .đối với khai thác lộ thiên; hay phá hỏa toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v...); đóng cửa mỏ để bảo vệ do chưa khai thác hết trữ lượng trong khu vực đã cấp phép hay mục đích của việc lập Đề án là để thanh lý toàn bộ trữ lượng đã cấp phép?

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;
- Xác định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo đề án/dự án/phương án cải tạo phục hồi môi trườngtrong khai thác khoáng sản .đã duyệt và đã thực hiện; hiện trạng khu vực khai thác (moong/các lò khai thác), các công trình phụ trợ trên mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường trước đó;

Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, khối lượng của từng hạng mục công trình đóng cửa mỏ; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Nêu khái quát quát trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG II
HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính

toán, lựa chọn theo nội dung của dự án đầu tư.

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa dự án đầu tư và thiết kế mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất-mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết/Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các

công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép;

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án đóng cửa mỏ

khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra (lưu ý: tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ và chi phí đã thực

hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án/cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;

- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hóa học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

Mẫu số 34
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-BTNMT/UBND *Địa danh, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ....)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/một phần diện tích khai thác khoáng sản của (Tên tổ chức, cá nhân)ngày ..... tháng... năm.... kèm theo báo cáo kết quả hoạt động khai thác ..... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/ thành phố ..;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***(Tên tổ chức, cá nhân)***…… được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản ……. số ….. ngày ….. tháng ….. năm.... (trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.... theo Giấy phép khai thác số....., ngày..... tháng... năm...)

Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản cần quy định cụ thể:

- Diện tích được phép trả lại …… (ha, km^2); trữ lượng:……. (tấn, m^3,….).

- Diện tích tiếp tục khai thác…….. (ha, km^2), trữ lượng:…….. (tấn, m^3,...).

(được giới hạn bởi các điểm khép góc.... có tọa độ theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Quyết định này).

- Thời hạn khai thác: …… năm, đến ngày... tháng... năm....

Điều 2. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, ***(Tên tổ chức, cá nhân)***……. phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản ở khu vực …….. (theo Giấy phép đã trả lại hoặc trên diện tích khai thác đã trả lại) và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả khai thác, tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...) theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện việc đóng cửa mỏ để thanh lý (hoặc để bảo vệ); các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

(Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác cần quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thông báo việc thực hiện Quyết định cho phép trả lại và kế hoạch khai thác, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật)

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận: **BỘ TRƯỞNG**

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ….
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ....)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI DIỆN TÍCH
VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.)

rriA **Tên** **điểm góc**	**Hệ VN-2000** Kinh tuyến trục .., múi chiếu...	
	X(m)	**Y**(m)

17. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.013321)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong quá trình thẩm định, trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác:

+ Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình cấp giấy phép khai thác.

+ Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu X)
	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	
1	+ Bản chính: văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác;	
2	+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV, các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản	X
	- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	
1	+ Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác, phương án khai thác khoáng sản nhóm IV;	
2	+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV.	X

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ.) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các nội dung: tọa độ, diện tích, chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác.

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các nội dung: tọa độ, diện tích, chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai

thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác).

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp được cấp giấy phép khai thác).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

i) Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	30.000.000

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Mẫu số 03: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025);

+ Mẫu số 04: Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

+ Có quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

+ Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt;

+ Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số đ iều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

+ Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

+ Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt;

+ Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy đ ịnh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy đ ịnh chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 03: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)…….
Trụ sở tại:……
Điện thoại:..... Fax:……
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp.

Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) …..(*tên khoáng sản nhóm IV*)……tại xã..... huyện..... tỉnh.... đã được .....(*cơ quan phê duyệt*)…… phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày.... tháng.... năm....

Khối lượng (hoặc trữ lượng) .....(*tên khoáng sản*)…….. được phê duyệt, công nhận, xác nhận: ..... (tấn, m^3,...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản …. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc xã..... huyện.... tỉnh..... với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km^2), được giới hạn bởi các điểm góc:…... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.
2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đưa vào thiết kế khai thác:.....(*tấn, m^3,...*).
3. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản khai thác:.....(tấn, m^3,...).
4. Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên.
5. Công suất khai thác:.....(tấn, m^3,...)/năm.
6. Chiều sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ... m.
7. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là:….năm (tháng).
8. Dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp sử dụng khoáng sản[2]:……

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[2] Ghi rừ tờn dự ỏn, cụng trỡnh, hạng mục cụng trỡnh, biện phỏp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ ỏp dụng đối với cỏc tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoỏng sản.

Mẫu số 04: Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) …….

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ……

….(*tên khoáng sản*[3])…..tại khu vực …..(*tên mỏ*[4])…., xã….., huyện…., tỉnh (thành phố)….

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1 2 …		
Diện tích: ... ha		

Nền địa hình

CHỈ DẪN

…….

…….

…….

Khung tọa độ

Người lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:……

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu....."

[3] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[4] Tên mỏ khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Tỷ lệ của bản đồ thực hiện như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.

2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.

3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km^2 đến dưới 2 km^2, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.

4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km^2, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

18. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.013322)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong quá trình thẩm định, trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác:

+ Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình gia hạn giấy phép khai thác.

+ Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

+ Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét gia hạn:

** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được gia hạn. Trường hợp không được gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;*

** Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01*

năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh và trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Trong trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu X)
	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	
1	+ Bản chính: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo.	
2	+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật; các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.	X

	- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	
1	+ Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;	
2	+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác; các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.	X

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ.) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến về việc gia hạn giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản về việc gia hạn giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến về việc gia hạn giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác.

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao giấy phép khai thác khóng sản gia hạn cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được gia hạn giấy phép khai thác).

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị gua hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (gia hạn).

i) Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m^3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m^3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	30.000.000

3. Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

4. Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên./.

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Mẫu số 01: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025);

+ Mẫu số 04: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)).

+ Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện:

+ Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị gia hạn, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

+ Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.

- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện:

+ Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

+ Dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong Giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời gian gia hạn giấy phép khai thác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV ;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 1: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác

(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Được phép khai thác ..... (*tên khoáng sản*[5])…. tại xã ....., huyện ....., tỉnh ..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……...

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ..... (tấn, m^3,...).

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: …..... (tấn, m^3,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: .....(*số năm khai thác*[6])…… năm, đến ngày ……. tháng ..... năm .....

Lý do đề nghị gia hạn: .....

.....
(có kế hoạch khai thác gửi kèm theo).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

[5] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[6] Tổng số năm khai thác khoáng sản tính từ khi cấp phép khai thác khoáng sản đến hết thời gian đề nghị gia hạn.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 4: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo

(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../KH-.....	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

KẾ HOẠCH
Khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……..

I. Mô tả hiện trạng khu vực đã được cấp phép khai thác, cụ thể gồm:

1. Mở vỉa, hệ thống khai thác khoáng sản, công nghệ khai thác…;

2. Vận tải, công đoạn phụ trợ trong khai thác khoáng sản;

3. Các công trình bảo vệ môi trường (nếu có).

II. Kế hoạch khai thác trong thời gian tiếp theo

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m^2, ha, km^2).

3. Chiều sâu tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

……..……

……..……

……..……

5. Công suất tiếp tục khai thác:...……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày - đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../BC-.....	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……..

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....;

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....;

- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số ……. ngày .... tháng....năm ..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:.....;

- Cơ quan cấp phép.....;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường, thị trấn) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên/hầm lò/.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (m^2, ha, km^2);

- Chiều sâu khai thác: từ mức..... m, đến mức.....m;

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: .....;

- Công suất được phép khai thác:.....:.(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: ..... (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày.... tháng.... năm.....[7] đến ngày..... tháng.... năm....[8]:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt ..... (VND).

2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có): .....(VND).

3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có): .....(VND).

4. Tổng vốn đầu tư: ..... (VND).

5. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế: .....(tấn, m^3).

6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m^3).

7. Giá thành khai thác trung bình:.....(VND/tấn, m^3).

8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: ..... (tấn, m^3).

9. Tổng doanh thu: .....(VND).

10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có): .....

11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có) .....

12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

---

[7] Thời điểm cấp giấy phép khai thác khoáng sản

[8] Thời điểm báo cáo

16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

II.2. Kết quả hoạt động khai thác năm báo cáo[9]

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong năm: .....(tấn, m^3),

2. Giá thành khai thác trung bình:.....(VND/tấn, m^3),

3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: ..... (tấn, m^3),

4. Tổng doanh thu: .....(VND),

5. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND),

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);
- Thuế môi trường:.....(VNĐ);
- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
- Khác (nếu có): .....

6. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã nộp (nếu có): .....(VND).

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có) .....

8. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

9. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

10. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

11. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

II.3. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

[9] Chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ, các báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện nội dung này

19. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.013323)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp: mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

+ Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản, tăng công suất khai thác khoáng sản, giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác (trường hợp cần thiết).

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực

tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong quá trình thẩm định, trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác:

+ Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình điều chỉnh giấy phép khai thác.

+ Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nh ưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

+ Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét đ iều chỉnh:

** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được điều chỉnh (bao gồm nội dung điều chỉnh thời hạn khai thác). Tr ường hợp không được điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;*

** Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.*

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh và trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị đ iều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành

		phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu X)
1	- Bản chính: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;	
2	- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: các văn bản chứng minh tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản đối với các trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác; dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án, công trình, sử dụng khoáng sản đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên	X

	gọi đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi.	

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ.) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp: mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác.

* Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc

điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp: mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hóa, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản về việc sử dụng khoáng sản đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ s ơ có văn bản lấy ý kiến liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác.

* Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện

tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình điều chỉnh giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

+ Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được điều chỉnh giấy phép khai thác).

+ Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp tổ chức được điều chỉnh giấy phép khai thác).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác.

i) Phí, lệ phí: Không

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Mẫu số 02: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025);

+ Mẫu số 04: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025;

+ Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

+ Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

+ Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng, phải có kết quả khảo sát, đ ánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác;

+ Đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đ ề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

đ) Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:

+ Đáp ứng điều kiện: trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác;

+ Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác có kèm theo điều chỉnh thời hạn khai thác, dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời hạn khai thác điều chỉnh;

+ Đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, dự án, công trình sử dụng khoáng sản đề nghị thay đổi hoặc bổ sung vào giấy phép khai thác phải do tổ chức được cấp giấy phép khai thác là nhà thầu thi công.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy đ ịnh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy đ ịnh chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Mẫu số 2: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác

(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Được phép khai thác ..... (*tên khoáng sản*[1])…. tại xã ....., huyện ....., tỉnh ..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……...

Đề nghị điều chỉnh ……. (*nội dung điều chỉnh*[2])……. của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

- … (*nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đã cấp*)…….;

- … (*nội dung đề nghị điều chỉnh*)……..;

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

.....

(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[2] Các nội dung điều chỉnh là một hoặc một số nội dung sau:

- Điều chỉnh khối lượng khoáng sản quy định trong giấy phép;
- Điều chỉnh về diện tích, chiều sâu khai thác khoáng sản;
- Trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản;
- Điều chỉnh tăng công suất khai thác khoáng sản;
- Điều chỉnh giảm công suất khai thác khoáng sản, kéo dài thời hạn khai thác khoáng sản;
- Đổi tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác;
- Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản do bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;
- Thay đổi dự án, công trình sử dụng khoáng sản (chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản).

Mẫu số 4: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo

(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../KH-.....	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

KẾ HOẠCH
Khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……..

I. Mô tả hiện trạng khu vực đã được cấp phép khai thác, cụ thể gồm:

1. Mở vỉa, hệ thống khai thác khoáng sản, công nghệ khai thác…;

2. Vận tải, công đoạn phụ trợ trong khai thác khoáng sản;

3. Các công trình bảo vệ môi trường (nếu có).

II. Kế hoạch khai thác trong thời gian tiếp theo

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m^2, ha, km^2).

3. Chiều sâu tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

……..……

……..……

……..……

5. Công suất tiếp tục khai thác:...……. (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày - đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../BC-.....	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……..

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....;

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....;

- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số ……. ngày .... tháng....năm ..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:.....;

- Cơ quan cấp phép.....;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường, thị trấn) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên/hầm lò/.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (m^2, ha, km^2);

- Chiều sâu khai thác: từ mức..... m, đến mức.....m;

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: .....;

- Công suất được phép khai thác:.....:.(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: ..... (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày.... tháng.... năm.....[10] đến ngày..... tháng.... năm....[11]:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt ..... (VND).

2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có): .....(VND).

3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có): .....(VND).

4. Tổng vốn đầu tư: ..... (VND).

5. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế: .....(tấn, m^3).

6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m^3).

7. Giá thành khai thác trung bình:.....(VND/tấn, m^3).

8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: ..... (tấn, m^3).

9. Tổng doanh thu: .....(VND).

10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có): .....

11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có) .....

12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

[10] Thời điểm cấp giấy phép khai thác khoáng sản

[11] Thời điểm báo cáo

II.2. Kết quả hoạt động khai thác năm báo cáo[12]

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong năm: .....(tấn, m^3),

2. Giá thành khai thác trung bình:.....(VND/tấn, m^3),

3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: ..... (tấn, m^3),

4. Tổng doanh thu: .....(VND),

5. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND),

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có): .....

6. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã nộp (nếu có): .....(VND).

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có) .....

8. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

9. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

10. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

11. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

II.3. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

[12] Chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ, các báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện nội dung này

20. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (1.013324)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đủ thành phần theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc trả lại giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác. Kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan có liên quan, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị đ ịnh số 158/2016/NĐ-CP;

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đ ến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong quá trình thẩm định, trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác:

+ Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình trả lại giấy phép khai thác.

+ Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị trả lại giấy

phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Bước 4. giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản:

Căn cứ kết quả thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh và trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị trả lại giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu X)
1	Bản chính: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	X

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ.) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm đ ịnh hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc trả lại giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ s ơ có văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc trả lại giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ trả lại giấy phép khai thác.

* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của c ơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

* Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cho phép trả lại giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cho phép trả lại giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

* Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

* Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được trả lại giấy phép khai thác).

Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép trả lại giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Khoáng sản và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác.

i) Phí, lệ phí: Không

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

+ Mẫu số 03: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025);

+ Mẫu số 05: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản (Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025;

+ Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép khai thác được xem xét cho phép trả lại khi tổ chức, cá nhân có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy đ ịnh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy đ ịnh chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

Mẫu số 3: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ….. cho phép khai thác khoáng sản ……(*tên khoáng sản*)…….. theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số..... ngày .... tháng ..... năm ..... tại khu vực …… mỏ ..... (*tên mỏ*[1])……. thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh (thành phố) .....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nêu trên (Diện tích đề nghị trả lại có toạ độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo).

Lý do đề nghị trả lại: .....

.....

…..(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 5: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản,
đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản
(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
****

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
(Tên mỏ khoáng sản, thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....)

Địa danh, năm ...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
****

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
(Tên mỏ khoáng sản, thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN**
(Chức danh)	*(nếu có)*
	(Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu	*Chữ ký, đóng dấu*
(Họ và tên)	***(Họ và tên)***

Địa danh, năm ...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN, ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản) ***(trong Mẫu số 4 này gọi chung là đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)***

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;

- Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày …. tháng ….. năm…..;

- Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản được phê duyệt tại Quyết định số ..... ngày … tháng …… năm ..... của ....;

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số ..... ngày … tháng …… năm ..... của ....;

- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm ..... (có phụ lục liệt kê kèm theo);

- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm ..... (có phụ lục liệt kê kèm theo);

- Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng, đơn giá trồng cây.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, trong đó làm rõ: Đóng cửa mỏ khoáng sản để đưa mỏ trở lại trạng thái an toàn (như: Bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác…) hay để bảo vệ do chưa khai thác hết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khu vực đã cấp phép hay để thanh lý toàn bộ khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã cấp phép?

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê khối lượng (trữ lượng) từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Phương án khai thác khoáng sản; hiện trạng khu vực khai thác, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương I
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới… của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình…, điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ khoáng sản

Nêu khái quát trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương II
HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án, phương án khai thác

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (toạ độ, diện tích, độ sâu, khối lượng (trữ lượng) được phê duyệt, công nhận, xác nhận, khối lượng (trữ lượng) được phép khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của dự án, phương án khai thác.

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án, phương án khai thác, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về khối lượng (trữ lượng) và lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng (trữ lượng) khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản và tuổi thọ mỏ;

- Thống kê chi tiết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã khai thác theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án, phương án khai thác đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng) khai thác thực tế và khối lượng (trữ lượng) khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận

tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cảm kết bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục mồi môi trường, Phương án khai thác khoáng sản được phê duyệt;

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất; đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường… trong quá trình khai thác;

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được duyệt; khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cảm kết bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục mồi môi trường, Phương án khai thác khoáng sản được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong diện tích được cấp phép;

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan…).

Chương III
PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án

khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã cam kết trong Phương án khai thác khoáng sản nếu có) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương IV
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Kinh phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (lưu ý: tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng

mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt).

Chương V
TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
...	Các bản vẽ khác (nếu có)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan

- Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản và quyết định phê duyệt;

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;

- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác;

- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu;

- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

Mẫu số 09: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV

(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../BC-.....	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……..

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân: .....

2. Loại hình doanh nghiệp: .....

3. Địa chỉ: .....;

Điện thoại: .....; Fax: .....

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....;

- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng.... năm..... được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số ….... ngày .... tháng....năm ..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:.....;

- Cơ quan cấp phép.....;

- Vị trí mỏ: thôn……., xã (phường, thị trấn) ……, huyện (thị xã, thành phố) ……., tỉnh (thành phố) ……..;

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên/hầm lò/.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (m^2, ha, km^2);

- Chiều sâu khai thác: từ mức..... m, đến mức.....m;

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: .....;

- Công suất được phép khai thác:.....:.(tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: ..... (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ ngày.... tháng.... năm.....[13] đến ngày..... tháng.... năm....[14]:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt ..... (VND).

2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có): .....(VND).

3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có): .....(VND).

4. Tổng vốn đầu tư: ..... (VND).

5. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế: .....(tấn, m^3).

6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m^3).

7. Giá thành khai thác trung bình:.....(VND/tấn, m^3).

8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: ..... (tấn, m^3).

9. Tổng doanh thu: .....(VND).

10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);

---

[13] Thời điểm cấp giấy phộp khai thỏc khoỏng sản

[14] Thời điểm bỏo cỏo

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có): .....

11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có) .....

12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

II.2. Kết quả hoạt động khai thác năm báo cáo[15]

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong năm: .....(tấn, m^3),

2. Giá thành khai thác trung bình:.....(VND/tấn, m^3),

3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: ..... (tấn, m^3),

4. Tổng doanh thu: .....(VND),

5. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND),

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: .....(VND);

- Thuế môi trường:.....(VNĐ);

- Tiền thuê đất:.....(VNĐ)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: ..... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);

- Khác (nếu có): .....

[15] Chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ, các báo cáo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện nội dung này

6. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã nộp (nếu có): .....(VND).

7. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có) .....

8. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm .....

9. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có)…….....(VNĐ).

10. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có)…….....(VNĐ).

11. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác.....

II.3. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

21. Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (1.013326)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa (nếu cần);

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá (trường hợp cần thiết).

Thời điểm kiểm tra tại thực địa (nếu có) do cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

+ Hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ liên quan đến đề nghị chấp thuận khảo sát, đ ánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định nêu trên.

- Bước 4. Giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc không chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đ ánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu X)
	- Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV bao gồm:	
1	+ Bản chính: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;	
2	+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.	X
	- Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV bao gồm:	
1	+ Bản chính: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; văn bản giới thiệu của chủ đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản;	

2	+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công.	X

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa (nếu cần); trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa (nếu có) do cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn

bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc không chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

i) Phí, lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 phải ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025;

b) Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 có đủ năng lực thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 có thể tự thực hiện hoặc ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá. Trong trường hợp không có đủ năng lực để thực hiện thì phải ký hợp đồng với tổ chức đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV
(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Sở[16]…….....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)…….

Trụ sở tại:……

Điện thoại:..... Fax:……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày…... tháng…... năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày…... tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp.

Là nhà thầu thi công[17] ……..(*Tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản*)……

Đề nghị được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh..... với các nội dung như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: …….. (*diện tích, tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*)…….. (Có bản đồ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa: .....(*chiều dài lộ trình*).....km lộ trình.

---

[16] Tờn Sở phụ trỏch lĩnh vực địa chất, khoỏng sản.

[17] Chỉ ỏp dụng đối với cỏc tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoỏng sản.

3.2. Thi công công trình: .....(*Liệt kê tên công trình, khối lượng*).....

3.3. Công tác mẫu: .....(*số lượng, chủng loại mẫu*).....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

22. Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (1.013325)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ theo quy định..

+ Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

+ Lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (trường hợp cần thiết). Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện chỉ thực hiện một lần. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.

Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, c ơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng thẩm đ

ịnh và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ như ng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

+ Hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ liên quan đến đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định nêu trên.

- Bước 4. Giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu X)
1	Bản chính: Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV; báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (trường hợp nộp hồ sơ giấy phải có bản số gửi kèm).	

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (nếu có), cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan.

+ Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện chỉ thực hiện một lần. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.

Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy đ ịnh tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đ

ối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đ ánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

i) Phí, lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

(Kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Sở[18]…….....

……(*Tên tổ chức, cá nhân*)…….

Trụ sở tại:……

Điện thoại:.....Fax:……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số……. ngày….. tháng….. năm..... do…… (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)……. cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày….. tháng..... năm..... do .....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)…….. cấp.

Là nhà thầu thi công[19] ……..(*Tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản*)……

Căn cứ Văn bản số ……. ngày ..... tháng ….. năm của Sở[20]……. chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản ……(*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....

Đề nghị được xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …….. (*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh..... với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, diện tích khu vực khảo sát: ……(tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung)……..;

2. Khối lượng, chất lượng khoáng sản tại khu vực khảo sát, đánh giá:.....

Có báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản ……(*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực ..... kèm theo

[18] Tên Sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

[19] Chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

[20] Tên Sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)…… cam kết các số liệu, thông tin trong báo cáo là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với các nội dung, thông tin, số liệu trong báo cáo khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản …(*tên khoáng sản nhóm IV*) ..... tại khu vực .....

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

23. Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch (1.004132)

a) Trình tự thực hiện:

**** Bước 1:*** *Nộp hồ sơ*:

Tổ chức, cá nhân nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An*(địa chỉ: Tòa nhà khối cơ quan 4, trung tâm hành chính tỉnh, số 2 đường Song Hành, tuyến tránh Quốc lộ 1A, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An).*

- Công chức tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp trực tiếp:

. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không tiếp nhận và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp nộp qua đường bưu điện:

. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả gửi cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu điện.

. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận gửi thông báo qua đường bưu điện yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý.

**** Bước 2:*** *Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:*

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, Sở Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, tổ chức, cá nhân gửi lại hồ sơ đã hoàn thiện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An để chuyển Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản,

chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An để gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, xem xét, giải quyết theo quy định.

**** Bước 3:*** *Thẩm định hồ sơ:*

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết.

**** Bước 4:*** *Trình hồ sơ đề nghị đăng ký khai thác khoáng sản:*

Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc đăng ký khai thác khoáng sản.

**** Bước 5:****Chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính:*

Sở Nông nghiệp và Môi trường chuyển kết quả đã giải quyết đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

**** Bước 6:****Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:*

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có). Thông báo cho chính quyền địa phương cấp huyện và xã để phối hợp quản lý, giám sát thực hiện.

- Tổ chức, cá nhân mang theo biên nhận đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ theo quy định)

+ Sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An hoặc đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.longan.gov.vn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần hồ sơ bao gồm:***

STT	Thành phần hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá

		(đánh dấu "X")
	**** Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình.***	
1	Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;	
2	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy tờ sau: + Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; + Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	x
	**** Đối với thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch***	
1	Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng;	
2	Bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi;	
3	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy tờ sau: + Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; + Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; + Hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có.	

**** Số lượng hồ sơ***: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời gian không quá 35 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

+ Trong thời gian không quá 25 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn quyết định: Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, UBND tỉnh hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rỏ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*UBND tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp:* Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An; các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện, Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện; UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:Bản xác nhận đăng ký.

h) Phí, lệ phí: *Không*

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bảng đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (Mẫu số 18, ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản, cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An.

- Có bản vẽ quy hoạch tổng thể xây dựng dự án;

- Có báo cáo đánh giá tác động môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác đông môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Mẫu số 18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BẢN ĐĂNG KÝ KHU VỰC, CÔNG SUẤT, KHỐI LƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRONG DIỆN TÍCH DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: UBND tỉnh Long An

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax…….....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số...ngày..tháng...năm...do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố...cấp;

Được cấp phép thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình...(tên dự án) tại xã..., huyện..., tỉnh.... theo Giấy chứng nhận đầu tư số....ngày...tháng....năm ...do...(tên cơ quan) phê duyệt;

Đăng ký khai thác khoáng sản....(tên khoáng sản) trong phạm vi ranh giới, diện tích của dự án ...với các nội dung như sau;

Diện tích khu vực khai thác:....(tấn,m^3,...)

Công suất khai thác:.....(tấn, m^3,...)/năm

Mức sâu khai thác: từ mức...m đến mức....m.

Thời gian khai thác: đến ngày....tháng....năm.

Kế hoạch khai thác: .....(là thời gian dự kiến khai thác cho từng khu vực tương ứng với thời gian triển khai dự án).

Máy móc, thiết bị sử dụng trong hoạt động khai thác:....

(Tên tổ chức, cá nhân)....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo

khối lượng đã đăng ký và cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5826/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Long An)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Mức độ thực hiện DVCTT
1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778	- Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc - Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: 87 ngày làm việc	Một phần
2	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481	45 ngày làm việc	Một phần
3	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	2.001814	45 ngày làm việc	Một phần
4	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408	45 ngày làm việc	Một phần
5	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	2.001787	184 ngày làm việc	Một phần
6	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083	10 ngày làm việc	Một phần
7	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng	1.004446	* Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc	Một phần

	sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình		* Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản là: 40 ngày * Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình là: 57 ngày làm việc	
8	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	1.004434	34 ngày làm việc	Một phần
9	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	1.004433	34 ngày làm việc	Một phần
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	2.001783	45 ngày làm việc	Một phần
11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	1.004345	45 ngày làm việc	Một phần
12	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	1.004135	45 ngày làm việc	Một phần
13	Đóng cửa mỏ khoáng sản	1.004367	78 ngày làm việc	Một phần
14	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001781	33 ngày làm việc	Một phần
15	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343	18 ngày làm việc	Một phần
16	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777	21 ngày làm việc	Một phần
17	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013321	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 30 ngày (trong đó có 15 ngày làm việc) - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 15 ngày làm việc	Không
18	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013322	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản	Không

			1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 25 ngày (trong đó có 15 ngày làm việc) - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc	
19	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013323	- Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 28 ngày (trong đó có 18 ngày làm việc) - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 16 ngày làm việc	Không
20	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013324	30 ngày (trong đó có 20 ngày làm việc)	Không
21	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	1.013326	09 ngày làm việc	Không
22	Xác nhận kết quả khảo sát, đ ánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	1.013325	17 ngày làm việc	Không
23	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	1004132	47 ngày	Một phần

Quy trình số: 01

THỦ TỤC (1.000778): CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	***TH1: Hồ sơ ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản***		
	- Niêm yết công khai và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở (30 ngày). - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 05 ngày tham mưu Lãnh đạo Sở có văn bản chuyển TTPVHCC tỉnh gửi cá nhân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Rà soát hồ sơ và tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và Thông báo cho tổ chức, cá nhân không được lựa chọn lý do không được lựa chọn.	Công chức Phòng TNN&KS	27 ngày làm việc
	TH2: Hồ sơ trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản		
	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 02 ngày tham mưu Lãnh đạo Sở có văn bản chuyển TTPVHCC tỉnh gửi cá nhân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Phòng TNN&KS	26 ngày làm việc
Bước 5	Tham mưu Lãnh đạo Sở tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Phòng TNN&KS	34 ngày làm việc

Bước 6	Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy văn bản. Chuyển Văn phòng Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 7	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 8	LĐ Sở ký văn bản thẩm định.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 9	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ. Chuyển văn bản đến TTPVHCC tỉnh để gửi tổ chức, cá nhân.	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 10	Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả thẩm định.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	Ngay khi nhận được hồ sơ giấy
Bước 11	Tiếp nhận hồ sơ đã hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân sau khi chỉnh sửa theo nội dung thẩm định	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 12	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 13	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 14	Kiểm tra, thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ. Nếu đạt yêu cầu, dự thảo tờ trình, giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	6 ngày làm việc
Bước 15	Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy văn bản. Chuyển Văn phòng Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 16	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 17	LĐ Sở ký tờ trình.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 18	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ. Chuyển văn bản đến UBND tỉnh.	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 19	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	07 ngày làm việc
Bước 20	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 21	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**TH1: 87 ngày** làm việc **gồm các bước từ bước 1 – 21**	

	TH2: 87 ngày làm việc **gồm các bước từ bước 1 – 20**
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ sau khi thẩm định không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ TTHC.	

Quy trình số: 02

THỦ TỤC (1004481): GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, soạn thảo tờ trình, giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	31 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản đi,	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC;	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc

	thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)		
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**45 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 03

THỦ TỤC (2001814): CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 05 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, soạn thảo tờ trình, giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	32 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC;	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc

	thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)		
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**45 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 04

THỦ TỤC (1005408): TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, soạn thảo tờ trình, giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	31 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc

	nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)		
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**45 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 05

THỦ TỤC (2001787): PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết. Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tổ chức Hội đồng thẩm định Đề án thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đủ điều kiện, soạn thảo tờ trình, quyết định. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	166 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký quyết định.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	04 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký Quyết định	UBND tỉnh	07 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Quyết định đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc

	quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)		
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**184 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 06

THỦ TỤC (1004083): CHẤP THUẬN TIẾN HÀNH KHẢO SÁT THỰC ĐỊA, LẤY MẪU TRÊN MẶT ĐẤT ĐỂ LỰA CHỌN DIỆN TÍCH LẬP ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đăng ký và kiểm tra thực địa (nếu cần); gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu cần); hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc đăng ký khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Văn bản chấp thuận. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Văn bản chấp thuận.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	04 giờ làm việc
Bước	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm

8	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	việc
Bước 9	UBND tỉnh ký Văn bản chấp thuận	UBND tỉnh	03 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Văn bản chấp thuận đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**10 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 07

THỦ TỤC (1004446): CẤP, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	**Thủ tục: cấp giấy phép khai thác khoáng sản** Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực và kiểm tra thực địa; lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết (20 ngày); thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt cấp quyền khai thác khoáng sản Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	48 ngày làm việc
	Thủ tục: điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo	Công chức Phòng TNN&KS	07 ngày làm việc

	Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Quyết định. Chuyển Lãnh đạo Phòng.		
	Thủ tục: cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa. Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	18 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Quyết định	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào sổ văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký Quyết định + **Thủ tục: cấp giấy phép khai thác khoáng sản:** QĐ phê duyệt tiền cấp quyền	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

	+ **Thủ tục: điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** QĐ điều chỉnh giấy phép (*không thuộc trường hợp do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)* + **Thủ tục: cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** QĐ cấp giấy phép (- *Trường hợp lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định; - Thời gian chờ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ)*		
Bước 10	Nhận Quyết định đã ký từ UBND tỉnh, chuyển Phòng TNN&KS và chuyển cơ quan Thuế (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Cơ quan Thuế ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản gửi Chủ dự án (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	Cơ quan Thuế	10 ngày làm việc

Bước 12	Hoàn chỉnh hồ sơ, soạn thảo Tờ trình và giấy phép (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)* Chuyển Lãnh đạo Phòng	Công chức Phòng TNN&KS	03 ngày làm việc
Bước 13	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 14	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 15	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	05 ngày làm việc

Bước 16	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 17	UBND tỉnh ký Giấy phép (*Trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản do có thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)*	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 18	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 19	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		***Thủ tục:* cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 87 ngày** làm việc **gồm các bước 1 - 19.** ***Thủ tục:* điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 40 ngày** làm việc **gồm các bước từ bước 1 – 19** *(không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ trường hợp thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép khai thác mà phải xác định và điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)* ***Thủ tục:* cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 57 ngày** làm việc **gồm các bước từ bước 1 – 19** *(không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ trường hợp lấy ý kiến*	

	các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan; Thời gian chờ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định)
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn chủ dự án thực hiện nghĩa vụ tài chính không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ. **Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định;**	

Quy trình số: 08

THỦ TỤC (1004434): ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CHƯA THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra, thẩm định, tổng hợp hồ sơ	Công chức Phòng TNN&KS	14,5 ngày làm việc
Bước 5	Xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.		01 ngày làm việc
Bước 6	Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. Đối với hồ sơ được xét chọn, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.	Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính

	Lập biên bản bàn giao hồ sơ cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp hoặc lập báo cáo cho Hội đồng đấu giá họp xem xét.		
Bước 7	Nộp tiền đặt trước *(được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá)*	Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện và được xét chọn tham gia phiên đấu giá	03 ngày làm việc
Bước 8	Tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp)	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
Bước 9	Hoàn chỉnh biên bản kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá	Công chức Phòng TNN&KS/ Hoặc Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp	01 ngày làm việc
Bước 10	LĐ Phòng xem, ký nháy biên bản. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS (trường hợp thông qua Hội đồng đấu giá)	01 ngày làm việc
Bước 11	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 12	LĐ Sở ký biên bản	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách (trường hợp thông qua Hội đồng đấu giá)	01 ngày làm việc
Bước 13	Hoàn chỉnh hồ sơ, dự thảo tờ trình và quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Chuyển Lãnh đạo Phòng	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 14	LĐ Phòng xem, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 15	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 16	LĐ Sở ký tờ trình	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 17	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 18	UBND tỉnh ký quyết định	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

Bước 19	Nhận Quyết định đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 20	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**34 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 09

THỦ TỤC (1004433): ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC ĐÃ CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra, thẩm định, tổng hợp hồ sơ	Công chức Phòng TNN&KS	14,5 ngày làm việc
Bước 5	Xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.		01 ngày làm việc
Bước 6	Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. Đối với hồ sơ được xét chọn, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.	Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính

	Lập biên bản bàn giao hồ sơ cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp hoặc lập báo cáo cho Hội đồng đấu giá họp xem xét.		
Bước 7	Nộp tiền đặt trước *(được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá)*	Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện và được xét chọn tham gia phiên đấu giá	03 ngày làm việc
Bước 8	Tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp)	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
Bước 9	Hoàn chỉnh biên bản kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá	Công chức Phòng TNN&KS/ Hoặc Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp	01 ngày làm việc
Bước 10	LĐ Phòng xem, ký nháy biên bản. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS (trường hợp thông qua Hội đồng đấu giá)	01 ngày làm việc
Bước 11	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 12	LĐ Sở ký biên bản	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách (trường hợp thông qua Hội đồng đấu giá)	01 ngày làm việc
Bước 13	Hoàn chỉnh hồ sơ, dự thảo tờ trình và quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Chuyển Lãnh đạo Phòng	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 14	LĐ Phòng xem, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 15	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 16	LĐ Sở ký tờ trình	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 17	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 18	UBND tỉnh ký quyết định	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

Bước 19	Nhận Quyết định đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 20	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**34 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 10

THỦ TỤC (2001783): GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	31 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	03 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan,	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc

	đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)		
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**45 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 11

THỦ TỤC (1004345): CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	30 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	03 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**45 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 12

THỦ TỤC (1004135): TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	27 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	05 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	6 ngày làm việc

Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**45 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 13

THỦ TỤC (1004367): ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không quá 05 ngày, tham mưu Lãnh đạo Sở có văn bản thông báo chuyển đến TTPVHCC tỉnh gửi tổ chức, cá nhân để hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tại thực địa; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; lập tờ trình, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức phiên họp Hội đồng. Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng thẩm định, hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định. Trường hợp phải bổ sung, hiệu chỉnh để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, soạn văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo bản sao biên bản họp Hội đồng thẩm định. Dự thảo tờ trình và Quyết định phê duyệt đề án. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	51 ngày làm việc

Bước 5	Lãnh đạo Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, chuyển VP Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	Lãnh đạo Sở ký biên bản và tờ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký Quyết định	UBND tỉnh	5 ngày làm việc
Bước 10	Nhận Quyết định đã ký từ UBND tỉnh, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 11	Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận Quyết định	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	Ngay khi nhận được hồ sơ giấy
Bước 12	Tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của Tổ chức, cá nhân, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 13	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 14	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 15	Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Hoàn thiện hồ sơ. Dự thảo tờ trình và Quyết định đóng cửa mỏ. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	5.5 ngày làm việc
Bước 16	Lãnh đạo Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, chuyển VP Sở	Lãnh đạo Phòng Quản lý môi trường	01 ngày làm việc
Bước 17	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 18	Lãnh đạo Sở ký biên bản và tờ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 19	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 20	UBND tỉnh ký Quyết định	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 21	Nhận Quyết định đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc

Bước 22	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**78 ngày** làm việc	
Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định.			

Quy trình số: 14

THỦ TỤC (2001781): CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực và kiểm tra thực địa; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	20 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**33 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 15

THỦ TỤC (1004343): GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực; kiểm tra thực địa; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	06 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**18 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 16

THỦ TỤC (2001777): TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực; kiểm tra thực địa; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Giấy phép. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	09 ngày làm việc
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình cấp giấy phép. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Giấy phép.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản đi	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	
Bước 9	UBND tỉnh ký giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc

Bước 10	Nhận Giấy phép đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**21 ngày** làm việc	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			

Quy trình số: 17

THỦ TỤC(1.013321): CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	03 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 giờ làm việc
Bước 4	Thẩm định hồ sơ: *TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:*		
	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 05 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	10 ngày
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	01 ngày
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	02 ngày
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		

	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 03 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, soạn gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	03 ngày làm việc
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 5	Lấy ý kiến Cơ quan chuyên môn liên quan việc cấp giấy phép khai thác		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	05 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	03 ngày làm việc

	việc cấp giấy phép khai thác, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác.		
Bước 6	Trình UBND tỉnh hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan đến việc cấp phép; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; PKS, TNN&KTTV dự thảo tờ trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình Lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo PKS, TNN&KTTV xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	0,5 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình để trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		
	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan đến việc cấp phép; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; PKS, TNN&KTTV dự thảo tờ trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình Lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
	Lãnh đạo PKS, TNN&KTTV xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 giờ làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình để trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 7	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ. Chuyển văn bản đến UBND tỉnh.	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 8	UBND tỉnh ký giấy phép hoặc không ký giấy phép	UBND tỉnh	

	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		03 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		02 ngày làm việc
Bước 9	Nhận kết quả từ UBND tỉnh, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		02 giờ làm việc
Bước 10	Trả kết quả TTHC		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Công chức/viên chức tại TTPVHCC tỉnh và Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Trong trường hợp được cấp giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.	Công chức/viên chức tại TTPVHCC tỉnh	02 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		
	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	06 giờ làm việc

	Trong trường hợp được cấp giấy phép, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác).		
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**TH1: 30 ngày** (trong đó có 15 ngày làm việc). **TH2: 15 ngày làm việc**	
Lưu ý: *- Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại (khi cơ quan thẩm định trả hồ sơ rà soát tại bước 4) thì thời gian giải quyết được tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.* *- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình cấp giấy phép khai thác.* *- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.*		

Quy trình số: 18

THỦ TỤC (1.013322): GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	03 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 giờ làm việc
Bước 4	Thẩm định hồ sơ: *TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:*		
	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 03 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	05 ngày
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	01 ngày
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	02 ngày
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		

	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, soạn gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	0,5 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 5	Lấy ý kiến Cơ quan chuyên môn liên quan việc gia hạn giấy phép khai thác		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	05 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	03 ngày làm việc

	quan trong hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác.		
Bước 6	Trình UBND tỉnh hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan đến việc gia hạn giấy phép; PTNN&KS dự thảo tờ trình hồ sơ gia hạn giấy phép trình Lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	0,5 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình, trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan đến việc gia hạn giấy phép; PTNN&KS dự thảo tờ trình hồ sơ gia hạn giấy phép trình Lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình, trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 7	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ. Chuyển văn bản đến UBND tỉnh.	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 8	UBND tỉnh ký gia hạn giấy phép hoặc không ký gia hạn giấy phép	UBND tỉnh	
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		03 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		02 ngày làm việc
Bước 9	Nhận kết quả từ UBND tỉnh, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		02 giờ làm việc

Bước 10	Trả kết quả TTHC		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh và Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Trong trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức, cá nhân.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	02 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		
	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Trong trường hợp được gia hạn giấy phép, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản chứng minh thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	06 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**TH1: 25 ngày** (trong đó có 15 ngày làm việc). **TH2: 13 ngày làm việc**	
Lưu ý: *- Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại (khi cơ quan thẩm định trả hồ sơ rà soát tại bước 4) thì thời gian giải quyết được tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19,*			

Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình gia hạn giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

Quy trình số: 19

THỦ TỤC (1.013323): ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	03 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 giờ làm việc
Bước 4	Thẩm định hồ sơ: *TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:*		
	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 03 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	05 ngày
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	01 ngày
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	02 ngày
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		

	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 02 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa. Trường hợp cần thiết, soạn gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	0,5 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Bước 5	Lấy ý kiến Cơ quan chuyên môn liên quan việc điều chỉnh giấy phép khai thác		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	05 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	03 ngày làm việc

	không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác		
Bước 6	Thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP	Công chức Phòng TNN&KS	03 ngày làm việc
	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan; PTNN&KS dự thảo tờ trình trình Lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	0,5 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	0,5 ngày làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình, trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	- Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.	Công chức Phòng TNN&KS	03 ngày làm việc

	- Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan; PTNN&KS dự thảo tờ trình trình Lãnh đạo phòng xem xét		01 ngày làm việc
	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình, trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ. Chuyển văn bản đến UBND tỉnh.	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 8	UBND tỉnh ký điều chỉnh giấy phép hoặc không ký điều chỉnh giấy phép	UBND tỉnh	
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		03 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		02 ngày làm việc
Bước 9	Nhận kết quả từ UBND tỉnh, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		02 giờ làm việc
Bước 10	Trả kết quả TTHC		
	TH1: Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh và Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Trong trường hợp được điều chỉnh giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	02 ngày làm việc

	TH2: Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc		
	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Trong trường hợp được điều chỉnh giấy phép, bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	06 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**TH1: 28 ngày** (trong đó có 18 ngày làm việc). **TH2: 16 ngày làm việc**	
Lưu ý: *- Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại (khi cơ quan thẩm định trả hồ sơ rà soát tại bước 4) thì thời gian giải quyết được tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.* *- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình điều chỉnh giấy phép khai thác.* *- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.*		

Quy trình số: 20

THỦ TỤC (1.013324): TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	03 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 03 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác.	Công chức Phòng TNN&KS	05 ngày
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời, Văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	01 ngày
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Bước 5	Lấy ý kiến Cơ quan chuyên môn liên quan việc trả lại giấy phép khai thác	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	05 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định		03 ngày làm việc

	tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP		
Bước 7	Trình UBND tỉnh:		
	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan; PTNN&KS dự thảo tờ trình trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Lãnh đạo phòng xem xét	Công chức Phòng TNN&KS	02 ngày làm việc
	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày làm việc
	LĐ Sở ký tờ trình, trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày làm việc
Bước 8	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ. Chuyển văn bản đến UBND tỉnh.	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 9	UBND tỉnh ký quyết định việc cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác	UBND tỉnh	03 ngày làm việc
Bước 10	Nhận kết quả từ UBND tỉnh, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh và Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Trong trường hợp được trả lại giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân.	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	02 ngày làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**30 ngày làm việc**	
Lưu ý: *- Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại (khi cơ quan thẩm định trả hồ sơ rà soát tại bước 4) thì thời gian giải quyết được tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*			

- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình trả lại giấy phép khai thác.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

Quy trình số: 21

THỦ TỤC (1.013326): CHẤP THUẬN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV TẠI KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	03 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	03 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 03 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: soạn giấy mời kiểm tra tại thực địa, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc giải quyết TTHC.	Công chức Phòng TNN&KS	02 ngày
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy giấy mời kiểm tra thực địa, văn bản lấy ý kiến chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	0,5 ngày
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	0,5 ngày
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	01 ngày
Bước 5	Lấy ý kiến Cơ quan chuyên môn các vấn đề có liên quan	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	03 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan; PTNN&KS dự thảo văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng TNN&KS	02 giờ làm việc

	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01giờ làm làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 giờ làm việc
	LĐ Sở ký văn bản	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	02 giờ làm việc
Bước 7	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Văn phòng Sở	01 giờ làm việc
Bước 8	Trung tâm PVHCC tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả giải quyết HS	UBND tỉnh	01 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**09 ngày làm việc**	
Lưu ý: *- Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại (khi cơ quan thẩm định trả hồ sơ rà soát tại bước 4) thì thời gian giải quyết được tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*			

Quy trình số: 22

THỦ TỤC (1.013325): XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	03 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	03 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan. - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa trong thời hạn 03 ngày, soạn văn bản thông báo trình Lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: + Kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV: + Trường hợp cần thiết, soạn văn bản lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV trình lãnh đạo phòng. + Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, soạn văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân	Công chức Phòng TNN&KS	05 ngày

	bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung.		
	Trình Lãnh đạo phòng kiểm tra, ký nháy văn bản chuyển Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	01 ngày
	Văn phòng Sở xem xét trình Lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	01 ngày
	Lãnh đạo Sở ký Giấy mời và Văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	02 ngày
Bước 5	Lấy ý kiến Cơ quan chuyên môn các vấn đề có liên quan	Cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến	05 ngày làm việc
Bước 6	Sau khi thẩm định hoàn tất các nội dung liên quan; PTNN&KS dự thảo văn bản xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng TNN&KS	01 ngày làm việc
	Lãnh đạo PTNN&KS xem xét, ký nháy văn bản, chuyển Văn phòng Sở	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	03 giờ làm việc
	Văn phòng Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	03 giờ làm việc
	LĐ Sở ký văn bản	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	06 giờ làm việc
Bước 7	Vào số văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Văn phòng Sở	02 giờ làm việc
Bước 8	Trung tâm PVHCC tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả giải quyết HS	UBND tỉnh	02 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**17 ngày (trong đó có 07 ngày làm việc)**	

Lưu ý:

- Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại (khi cơ quan thẩm định trả hồ sơ rà soát tại bước 4) thì thời gian giải quyết được tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.

- Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan

chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

Quy trình số: 23

THỦ TỤC (1004132): ĐĂNG KÝ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRONG DIỆN TÍCH DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT HOẶC CHO PHÉP ĐẦU TƯ MÀ SẢN PHẨM KHAI THÁC CHỈ ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÓ) BAO GỒM CẢ ĐĂNG KÝ KHỐI LƯỢNG CÁT, SỎI THU HỒI TỪ DỰ ÁN NẠO VÉT, KHƠI THÔNG LUỒNG LẠCH

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Môi trường làm việc tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển Phòng TNN&KS	Công chức Văn phòng Sở	04 giờ làm việc
Bước 3	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Sở. Phân công công chức thụ lý.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 4	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, trong thời hạn 05 ngày, soạn văn bản thông báo trình lãnh đạo Sở gửi cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa (10 ngày). Thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, bản xác nhận. Chuyển Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng TNN&KS	33 ngày
Bước 5	LĐ Phòng xem, kiểm tra hồ sơ, ký nháy tờ trình. Chuyển VP Sở.	Lãnh đạo Phòng TNN&KS	02 ngày
Bước 6	VP Sở xem xét, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
Bước 7	LĐ Sở ký tờ trình trình UBND tỉnh ký Bản xác nhận.	Lãnh đạo Sở được phân công phụ trách	01 ngày

Bước 8	Vào sổ văn bản, Lưu trữ hồ sơ, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Công chức Văn phòng Sở Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 9	UBND tỉnh ký Bản xác nhận	UBND tỉnh	07 ngày
Bước 10	Nhận Bản xác nhận đã ký từ UBND tỉnh, Chuyển trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Phòng TNN&KS	04 giờ làm việc
Bước 11	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức/ viên chức tại TTPVHCC tỉnh	04 giờ làm việc
Tổng cộng thời gian giải quyết:		**47 ngày**	
Lưu ý: Sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ, nộp lại thì thời gian giải quyết tính lại theo quy định tại khoản 4, Điều 19, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính			